NĂM THỨ TƯ Số 168 Thứ năm 19 Octobre 1944

# TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

## MỤC LỤC


* Lịch-sử khoa nhi đồng học — *Hoa-Bằng*
* Tự vị thuốc tây — *Nguyễn-văn-Tố*
* Nhà văn và nhà xuất bản — *Phạm-mạnh-Phan*
* Bàn về chữ « Bội » — *Đoàn-Nồng*
* Những ông nghè triều Lê (XCV) — *Ứng Hòe*
* Đào duy - Từ (1572 — 1634) — Khái-sinh *Dương-lụ-Quán*
* Đại nam dật sự (XLIV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Thơ « lấy chữ » truyện Kiều — *Trực Trai* (Huế)
* Sớm thu mưa gió... bút ký — *Ngân-Giang*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXVIII) — *Ưng-Hòe*
* Hai mươi bài tập Kiều (hết) — *Song-Cối*
* An tư (tiểu thuyết XIII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*


0 $ 50

# LỊCH-SỬ KHOA NHI-ĐỒNG HỌC

HOA-BANG

Nhân tết Trung thu vừa qua, tôi thấy vấn-đề nhi-đồng ở đây đã được người ta càng ngày càng chú ý. Tuy gặp thời buổi khó-khăn, hóa vật mắc-mỏ, nhất là giấy và sắt tây đang hiếm và đắt, thế mà trong dịp tháng Tám, ở Hàng Gai và Hàng Thiếc vẫn không giảm cái cảnh sắc của Tết trẻ con. Mà trong những tờ báo đặc sản ra nhằm dịp ấy, nhiều nhà cầm bút cũng đã tỏ ý quan tâm đến các đồ chơi của nhi-đồng. Thế đủ biết vấn-đề nhi-đồng ngày nay đã thành bản một đối-tượng để chúng ta nghiên-cứu. Vậy nay tôi thử mời các bạn xét qua lịch-sử của khoa nghiên-cứu nhi-đồng.

***

Lịch-sử khoa nhi-đồng-học này chẳng qua mới được ngót 200 năm nay thôi.

Năm 1762, J. J. Rousseau cho ra cuốn *Emile* có ảnh-hưởng lớn đến việc giáo dục: gợi cho người đời cái hứng thú nghiên-cứu về nhi-đồng. Trong sách đó, tác giả cho rằng nhi-đồng vốn tính tốt lành, xã hội thì hàng muôn tội lỗi. Cái phương pháp giáo dục người ta thường dùng đó chỉ tổ làm tổng mất bản tính của trẻ con. Đó là một thứ giáo-dục không hiểu tâm lý nhi đồng và làm dập gãy cái tính-tình cố-hữu của trẻ. Chúng ta cần nên hết sức bài trừ, khiến cho bản tính của nhi đồng được phát triển tự-do và thoát-ly được xiềng xích của lối giáo-dục đầy tội-lỗi.

Thứ giáo-dục tiêu-cực (éducation négative) lấy thiên-tính nhi-đồng làm nền gốc thi-hành việc dạy dỗ ấy rất được học giả đương-thời chú ý, đã giẹo vào giáo dục giới một tia sáng mới lạ.

Năm 1774, Pestalozzi có nghiên-cứu về đứa con lên ba của mình. Sự ghi-chép của ông chẳng phải chỉ quan hệ về sự nghiên cứu tâm lý nhi-đồng, mà lại là một cuốn nhật-ký chép việc giáo-dục con trẻ. Cái cớ ông sở dĩ nghiên cứu về nhi-đồng, là cốt muốn đem những điều mình đã hiểu rõ về tính-tình và năng-lực con trẻ làm cái căn cứ cho việc giáo-dục nhi đồng. Cho nên sự nghiên cứu của ông chỉ riêng suy nghĩ về phương diện tiện lợi cho việc giáo dục nhi-đồng, vì ông cho rằng nhi-đồng là hạng thành-nhân chưa thành-thục.

Trong khoảng từ năm 1775 đến 1780, Pestalozzi có sáng-lập và coi quản cái trường học thực nghiệp lần đầu mới mở ở Thụy sĩ. Ông thu nhận hạng trẻ kiếm khó nghèo nàn mỗi ngày cho học nửa buổi, bắt làm nửa buổi. Nhưng được ít lâu thì trường đó « chết yểu » vì bị phái thủ-cựu hết sức phản đối.

Về sau, Pestalozzi lại đứng quản lý một nhà nuôi trẻ bỏ-côi ở Thụy-sĩ. Ông thực hành được cách dạy thủ công theo liền với bài học về nghề-nghiệp. Nhờ những sự từng trải trong thời kỳ này, ông đã nhặt lượm được nhiều tài liệu để viết sách nói về những mối quan-hệ giữa sự phát triển và hứng-thú của trẻ con.

Năm 1787, Dietrich Tiedemann có phát biểu cái kết quả do ông đã nghiên-cứu được ở chính đứa con mình. Sự nghiên cứu của ông, có thể nói, là món nghiên-cứu rõng về phương-diện tâm-lý trẻ con; song tiếc rằng những điều ông đã báo cáo ấy không được người đời đem xỉa. Mãi về sau, năm 1863, tờ *Journal général de l'Instruction publique* có dịch ra văn pháp những lời báo cáo ấy của Tiedemann, bấy giờ cái kết-quả sự nghiên-cứu của ông mới được truyền rộng ra đời.

Fœbel, năm 1826, có xuất bản cuốn *Die menschenerziehung*. Ông nghiên-cứu, tìm lấy sự phát-triển và trình tự về tâm-lực tinh-xác của nhi-đồng để làm căn cứ cho sự giáo-dục tài-chế. Trong tác-phẩm của ông thường thường xen lẫn những điều suy tưởng về triết-lý. Song có điều khiến cho chúng ta đáng chú ý là tác-giả nhận rằng ứng thời kỳ từ cuối nước đến nhà trường, tôi đến thanh-niên đều liền lối chứ không gián-đoạn.

Năm 1828, bà Necker de Saus

sure ra sách *Education progressive*, quyển thứ nhất, bàn kỹ về tâm-lý trẻ nhi-đồng trong vòng bốn tuổi. Qua năm 1832, bà cho ra tiếp quyển thứ hai, trường luận về tâm lý trẻ nhi-đồng từ bốn tuổi trở đi. Mục-đích bà nghiên-cứu về nhi-đồng, là cốt muốn hiểu sự phát-triển và tiến-trình về tâm-năng, về đạo-đức của con trẻ. Theo quan-niệm của bà, thì bà cũng cho rằng nhi-đồng là thành nhân tương lai.

Năm 1851, Lebrech có ra cuốn *Die Entwicklungsgeschichte die seele des kindes*. Ông nguyên là một thầy thuốc, chuyên trị về chứng bệnh trẻ con. Sách đó của ông có ảnh-hưởng rất lớn cho những người đi sau nghiên-cứu về nhi đồng-học.

Năm 1856, cuốn *Kind and welt* của Sigismund ra đời, trong sách chép rõ cái thành-tích của sự nghiên cứu về đứa con nhỏ của tác-giả : từ lúc con đó mới đẻ, tác-giả theo sát từng bước để khảo về sự phát triển của các năng-lực nhi-đồng : khóc, cười, hành động, nói-năng, v.v. Phương-pháp nghiên-cứu như thế, trước đó, thực chưa từng có. Hai năm sau, lại có Hofelder đem cái kết quả mình đã nghiên-cứu về tiếng nói của nhi-đồng mà báo cáo với đời.

Năm 1859, Kussmaul đem cống-hiến độc-giả những cái kết quả mà mình đã nghiên-cứu ở hạng hài-nhi mới đẻ. Năm 1873, Gessner chứng thực cái phương-pháp của Kussmaul nghiên-cứu nhi-đồng đó là xác đáng.

Từ đấy, sự nghiên-cứu về sinh-lý và tâm-lý nhi-đồng dần dần càng thịnh : Canestrini nghiên-cứu được 71 đứa trẻ về mặt sinh-lý ; Benedict và Talbot cũng nghiên-cứu chung, về mặt sinh-lý, 100 đứa hài-nhi sơ sinh.

Năm 1869, cơ-quan Giáo-dục ở Berlin có gửi đi những tờ thông cáo bảo các ông giáo viên các trường Tiểu-học điều-tra về tri-thức và kinh-nghiệm của các trẻ em. Phương-pháp điều-tra của họ tuy có nhiều chỗ chưa ổn, nhưng kết quả cũng có làm cái hay hay ; Thường có nhiều sự vật rất thiết cần, ta tưởng trẻ em đã biết rồi, thế mà thực ra chúng vẫn lờ mờ không rõ, chẳng hạn như mặt trời lặn, mặt trăng mọc ra sao, có trẻ cũng chưa từng thấy qua đấy !

Năm 1876, Taine cũng có những lời nghiên cứu đơn-giản về sự phát-triển của tiếng nói giữa nhi-đồng và chúng-tộc. Đồng-thời, Darwin cũng viết một bài « Biographical sketch of an infant » đăng trong tạp-chí *Mind*. Đó là một thiên sáng-trước của người Anh đối với vấn-đề nghiên-cứu con nhỏ.

Năm 1878, Perez có cho in cuốn *Les trois premières années de l'enfant* cũng được thịnh truyền một thời.

Năm 1882, Preyer ra cuốn Die seele des kindes, so với sách của Perez lại hay hơn nhiều, vì sự nghiên-cứu của Preyer chẳng những chỉ dựa vào cách quan sát thông-thường, mà lại rộng dùng cả phương pháp thực nghiệm nữa, cho nên kết-quả lại càng thiết-thực đáng tin được.

Trên đây mới là mấy nét khái quan về khoa nhi-đồng-học trên thế giới. Sau tôi sẽ phát sơ về lịch-sử nhi-đồng-học của từng nước, như Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Nga, Nhật, v. v. Rồi sẽ lược khảo về sự nghiên-cứu nhi-đồng ở nước ta.

HOA BẰNG

## NGẪU HỨNG

*Đường thế trông gai nghĩ chán phè,*
*Vui vầy vườn được quả cùng hoè.*
*Non xanh, nước biếc, thơ ngâm ngợi,*
*Gió sớm, mây chiều, rượu lỉ lê..*
*Thin-thít đàn ve theo hạ vắng,*
*Nỉ-non sáo dế báo thu về.*
*Mặc ai chen chúc đường danh lợi,*
*Hưởng thú thanh nhàn cho lại quê.*

KHÁI SINH

# TỰ VỊ THUỐC TÂY

*Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Năm 1939 Hội Khai-trí tiến-đức in xong bộ *Việt-nam tự-điển*. Cùng năm ấy có vài quyển sách dạy nghề, như quyển *Nghề thợ mộc* do các trường Kỹ-nghệ thực-hành ở Bắc-kỳ xuất bản, trong có những tên riêng của nhà nghề mà bộ *Việt-nam tự-điển* không chép, như chữ « ghép gờ » (feuillure), « mộng én » (queue d'hironde), « mũi khuây » « đinh khuy », « dinh thước thợ » v v. Ấy là chưa kể những tên dịch ở chữ tây ra, như cái « vẹt » là cái cần truyền điện của xe điện dùng đã bốn mươi năm nay, mà tự-vị Khai-trí cũng không chép đến. Đấy là thí dụ một vài tên riêng các nghề mà trong sách đã in ra hoặc công-chúng quen dùng đã lâu.

Cho nên, tuy không chuyên về y-học, tôi tưởng cũng nên nói qua đến quyển sách của ông Phạm-khắc-Quảng và Lê-khắc-Thiền dịch những chữ trong nghề thuốc, đề là *Danh từ Y-học tập I, vần A và B*, in khổ giấy 16×22, được 41 trang ở nhà Imprimerie de l'Ouest, để khi tái bản quyển *Việt-nam tự điển* ban văn-học của hội K. T. T. Đ. chép thêm những tên riêng của các nghề.

Nhân tôi bàn với tác-giả mấy chữ như sau này :

Chữ « abrasion » dịch là « sự hớt da », e không hết nghĩa, vì chính chữ ấy có nghĩa « mài » hay « cạo », thí dụ Mọi cả răng ở phía Nam Trung-kỳ. Trang 10 có chữ « diète absolue » dịch là « tiết thực tuyệt đối », tôi tưởng dịch là « tuyệt thực » thì gọn hơn, mà người ta nghe ngay ra. Lại chữ « acare », tác-giả dịch là « trùng ghẻ » tôi tưởng nên theo tiếng cũ mà chua hai chữ « cái gì ẻ » thì ai ai cũng hiểu.

Chữ gì thật của ta không có, hãy nên mượn chữ ngoài, còn chữ nào tiếng ta đủ ý nghĩa, thì không nên mượn, thí dụ chữ « auscultation » tác-giả dịch là « thính-chẩn » : vẫn biết rằng « thính » là « nghe », « chẩn » là « xem mạch » hay « xem bệnh » nhưng đối với người không học thuốc, có lẽ không hiểu « chẩn » là gì. Chữ ấy vốn của ta đã có tiếng « nghe bệnh », tưởng thế là rõ lắm, việc gì phải mượn chữ nho.

Lại khi dùng tiếng ta cũng không nên đặt dài quá, thí dụ bốn chữ « sự thôi cho bú » (ablactation) thì vốn của ta có hẳng « cai sữa » tưởng cứ để nguyên như thế, cũng rõ bằng tiếng mới.

Mấy lời bàn góp, để đến tập sau, tác giả xét xem có nên sửa đổi không. Cứ như tập này cũng đã giúp ích nhiều và có giá-trị lắm.

***

## TRẢ LỜI « VĂN MỚI NGHỊ LUẬN »

*Văn mới nghị luận* số 1, ra ngày 10-10-1944, có đăng một bài *Tờ a, tờ b có đáng tin không?* (trang 76-77). Mở đầu có câu : « Cụ Ưng-Hòe thường có thói lấy tờ a tờ b của những sách trong Thư viện. Bắc-cỗ ra làm tiêu chuẩn để bẻ một câu này, bác một ý nọ của người khác viết...

« Thói » ấy chính là « thói » khoa-học mà *Văn mới* thường nêu lên. Nhưng vì không biết sách, — không nhớ sách, — hoặc không hiểu sách, nên *Văn mới* làm không nổi, thành ra quyển nào trong *Tân văn hóa* của *Văn mới* (Hàn Thuyên xuất-bản) cũng nhầm lẫn nhiều quá. Tôi thường lấy « tờ a tờ b » ở sách nho hay trang 1 trang 2 ở sách tây để chữa cho. Thế mà *Văn mới* vẫn cãi liều, như bài *Tờ a tờ b* này, là *Văn mới* đã nhờ một chỗ mâu-thuẫn cho ông Chu Thiên, tác-giả quyển *Lê Thánh tông* nhưng *Văn mới* lại không hiểu (hoặc giả-tảng không hiểu) câu phê bình của tôi, đăng ở *Tri-tân* số 124, ngày 9-12-1943, trang 15.

Tôi nói rằng trang 27 quyển *Lê thánh tông*, tác-giả viết câu : « vua *thường ham mê nữ sắc* » đến trang 34 tác-giả lại viết câu : vua « *không gần thanh sắc* » thế mà cách có bảy trang mà đã trái nhau! Sao không thấy *Văn*

(*Xem tiếp trang 21*)

Phong trào sách báo với

# NHÀ VĂN và NHÀ XUẤT BẢN

PHẠM MẠNH PHAN

Từ khi khói lửa chiến tranh bùng cháy khắp mọi nơi, cái ảnh hưởng tai hại cho các đồng bào hiếu học của chúng ta là nạn khan sách báo ngoại quốc.

Cái món ăn tinh thần ấy càng ngày càng khan. Nhiều người không được cái may ra vào các thư viện phải phân vân tự hỏi không biết lấy gì mà đọc trong những giờ nhàn rỗi.

Hơn nữa, chiến tranh đã lôi kéo một số đông người đã mê muội vì cái văn minh vật chất, đã sáng sủa cái phù phiếm nông cạn, loè loẹt mà những quên trong bao năm rồi dân bản.

Nay súng đạn của năm châu đã làm cho họ bừng mắt tỉnh, bâng khuâng sáu một giấc trăng tiên, mới quay về với cố quốc giang sơn mà tìm ở cái cũ những bài học của lịch sử, những tấm gương sáng của tiền nhân khi trước! Họ đã chán nhơ mộng, chán cười cợt và trở nên nghiêm trang, suy nghĩ, thiết tha tìm lấy một con đường mới cho nghĩa sử thế, cho đạo tu thân.

Vì vậy họ mong bới tìm trong chồng sách quốc văn những điều hay hay để ôn lại những cái tinh hoa của đất nước. Sách báo chữ nước nhà mới được họ sốt sắng xem tới. Đọc đó mới nhớ lên ở ba kỳ cái phong trào sách báo nhiều người vì vậy mới nhúng bút trong lọ mực quốc văn mà sản xuất ra trên thị trường văn học hết tác phẩm này đến tác phẩm khác. Giá sách vì sự khan các vật liệu để in đã đắt một cách quá tưởng tượng.

***

Sách báo vừa dễ nhiều người xem nên các văn nhân đua nhau viết để cung cho sự đòi hỏi của người đọc.

Một số người cầm bút học lực non nớt, bị chói lòa vì hư danh cố ấn ra những cuốn sách tiểu biểu cho sự ngây ngô, dốt nát, đã chứng thực cái tổng rỗng của tâm hồn họ và cái mới trí thức kẹp bó họ đã tiếp nhận được.

Một hạng văn nhân khác đi nhầm đường đã ngang nhiên táo bạo bước vào những địa hạt xa lạ không hợp với sở năng mình.

Vì vậy nhiều người thấy cái quang cảnh của văn học Việt-Nam hiện đại, các tác phẩm có giá trị thì ít mà các rom rác thì nhiều, nên đã lo cho nền văn hóa nước nhà đang bị một hoạng ở đã mai, a dua một từ trào chiếm cứ mà không sao trừ xuất họ ra khỏi đầu mình bút mực! Và sự chiếm cứ ấy sẽ nắn áp mà lạm ta cả cả ngòi bút đang tin cậy, có lương tâm chủ điểm chỉ có phụng thờ văn chương, tư tưởng.

Song đó là một điều lo ra vì theo luật đào thải, những cây bút non nớt viết quàng viết bậy sẽ bị tiêu diệt dần. Trình độ cao thấp của người đọc báo giờ chúng đều với trình độ người viết. Trong bao đầu gây dựng một nền văn hóa cho đất nước, sự thành vững và sự tuyệt mỹ của một lá phần chỉ có một tính cách lương đó.

Số sách ra nhiều, bán chạy nên các nhà xuất bản cũng lần lượt ra đời. Một hạng người vô lương tâm chỉ biết vụ lợi, dùng bất kỳ mánh khoé xảo quyệt, gian trá, không cốt cho ra sách mà chỉ hòng xin được thêm giấy để trục lợi.

Bên cạnh các con chiên ghẻ ấy có một số nhà văn và nhà xuất bản chân chính, cần mẫn, phụng sự nghề nghiệp một cách ngay thẳng và tận tâm. Họ hy sinh hết thảy để được vui lòng làm việc cho văn chương đất nước. Họ cố gắng phấn đấu với mọi điều trở ngại nan. Họ làm việc quang minh chính đại, không chịu nghiêng mình khuất phục nhưng mãnh lực có tiền tài kiên hoặc quyền lãi bạo.

Trong huyết quản các nhà văn và nhà xuất bản ấy còn tạo sức chủ lực khi phách và trong tâm hồn họ còn gữ được cái liêt tháo của nho gia thuần túy.

***

Nhưng với tình thế hiện thời, cản trở gay go nhất của họ là nạn khan giấy.

(Xem tiếp trang 20)

# Bàn về chữ « Bội »

ĐOÀN NÔNG

Trong số 149, ngày 6 Juillet, ông Ứng hoè có bàn về tên « Hát bộ » và nói rằng: « bội chính nghĩa là sau lưng, là mặt trái; nghĩa bóng là làm lại, xem như các ông đồ nho ngày xưa dạy học-trò, năm ngày hoặc mười ngày, có một kỳ học ôn và viết bội-độc, nghĩa là cho học ôn lại mấy bài hôm trước, rồi bắt phải nhớ mà viết ra không được trông vào sách; thế thì hát bội cũng là nhớ những điều tích cũ mà diễn lại ».

Theo ý tôi: trong phần nhiều các lối ca, hát, khi nào con hát cũng phải học thuộc lòng, chứ không trông vào sách mà hát; thế thì chữ « bội » đó đáng lẽ phải « chỉ » chung cả các lối hát. Trái lại, chính hát bộ lại là một lối hát có vài đặc sắc nầy là con hát không học thuộc lòng vì có người « nhắc tuồng ». Mười năm về trước, nếu ông Ứng-hoè vào Huế, Quảng, xem hát bộ thì ông phải buồn cười về vai « nhắc tuồng » nầy, ngồi chễm-chện trên sân khấu một bên chậu con hát và nhắc từng câu một nhắc to tiếng đến nỗi cả rạp nghe! Hiện nay vai nhắc tuồng ấy có vẻ kín đáo hơn.

Một lẽ nữa là Tàu không gọi là « bội xướng » đến đâu nghệ thuật nầy « tàu » lắm; vậy chữ bộ là sau lưng cũng chỉ là một ức-thuyết thôi.

Theo ý ông Minh-châu Trần-trình Cáp, có lẽ là chữ « bài » mà đọc sai ra bài nghĩa là hát, bài-ưu là anh kép hát. Nhưng bài mà đọc sai ra « bộ » hay đọc sai ra « bội » đều xa xuôi lắm. Theo ý ông Vệ Thạch Đào duy Anh thì hai tiếng bộ và bội đều xét cả mà đều là hai tiếng nôm. Về « đường ngoài » nghĩa là từ Thanh-hóa ra Bắc kỳ tiếng hát bội chỉ chung cả hát-chèo và hát-tuồng; và ở Thanh người ta lại có khuynh-hướng dùng tiếng hát bội để chỉ hát chèo còn hát tuồng thì cứ gọi là hát tuồng. Tiếng tuồng lại dùng như thế nầy: « mầy làm tuồng gì thế? » « Đường trong » nghĩa là từ Hoành-Sơn trở vào lại nói: « mi làm bộ chi nữa » Tuồng với bộ cùng một nghĩa, nên khi lôi *hát tuồng* vào « đường trong » thời người « đường trong » gọi là *hát bộ*. Bộ nghĩa là bộ tích, vừa hát vừa làm bộ; ta không nên theo thói quen, cái gì cũng phải là một gốc tích tàu, một chữ tàu cả, vẫn theo ý ông Đào duy Anh.

Tôi vẫn hiểu như ông Đào duy Anh; bộ là bộ tích, vừa hát vừa làm bộ; vì như tôi đã nói, không có thứ hát nào chú trọng điệu bộ như hát bộ; người sành chỉ xem điệu bộ của con hát là đã thích rồi và đã biết con hát có giỏi hay không; học hát bộ là phải học từ khi còn bé, mười lăm năm mới thành nghề vì phải học từng bước trên sân khấu, học cái « chừng hoa » nghĩa là nước bước, cái chưng đá, cách căn đôi hia trên sân khấu; người không quen đi đôi hia mà nghề thời lé ngay vì đôi hia nầy tròn phía dưới chớ không bằng như hia của các quan. Rồi càng đi vào chừng nào, nghĩa là Huế vào Quảng, Quảng vào Bình-định, thời cái « chưng hoa » lại càng trọng vì con hát Quảng nam, Bình-định, nhứt là con hát Bình-định, phải biết võ ta, biết côn, quyền, nhảy lẹ, đá cao. Nếu bà con miền ngoài vào xem một buổi hát bộ trong một rạp hát Bình-định, thấy hai con hát « đánh nhau » trên sân khấu, thấy Quan-công dùng thanh long đao, thấy Trương Phi dùng xà-mâu, hoặc một « kép nhí » đánh với hổ, thấy khán giả Bình-định hồi hộp với từng cái đậm cái đá của võ ta, thời bà con mới cho rằng thật là hát bằng bộ tích và phải học từng bước một, từng cái đá một; và nếu bà con tới xem cái « học-bộ-định » của cụ Đào Tấn ông hồn của nghệ thuật nầy, nếu được dự một bài dạy của cụ, lúc sinh thời cụ, thời bà con cũng đồng ý rằng phải viết chữ bộ là bước như cụ Đào Tấn.

ĐOÀN NÔNG

**Trả lời**

Ở đoạn giải nghĩa chữ « bộ », giá ông Đoàn-Nông dẫn mốt mấy câu nữa cho hết nghĩa, thì ông không phải viết câu: « vậy chữ

bội là sau lưng cũng chỉ là một từ-thuyết thôi ». Mấy câu thiếu nhân sau này: « *Nhưng chưa biết nghĩa nào là phải*, dù sao, ở tên sách, không nên vội chữa như thế, có muốn bắt bẻ gì, nên nói ở trong sách thì hơn ». Đăng *Tri tân*, số 149, trang 7, cột 1, liền với đoạn ông Đoàn-Nông đã dẫn trên kia.

Vì bài trước là bài phê-bình, nên tôi chỉ nói qua về mặt nghĩa chính của chữ « bội », không phải bài khảo-cứu, nên không nói nhiều.

Nay nhân ông Đoàn-Nông bàn lại, tôi nói thêm mấy thuyết nữa về hát bội để độc-giả so-sánh.

Các tự-vị của ta xưa nay không có chỗ nào chép là « hát bội ». Quyển *Đại nam quốc âm tự vị* của ông Huỳnh-Tịnh Của, in ở Sài gòn năm 1895, trang 67, về chữ *Bội* có cụm *trò bội*, giải nghĩa là « cuộc ca hát, đàm hát bạn hát ». Quyển *Việt-nam tự điển* của hội Khai trí tiến đức, in tại Hà nội năm 1931-1932, trang 56, về chữ *Bội*, giải nghĩa là « cuộc diễn trò, cuộc hát tuồng », thí dụ *Hát Bội*. *Tự vị* chép như thế, thì chữ *Bội* là tiếng nôm, là tiếng riêng của nghề chèo hát. Nhưng không quyển tự-vị nào chép chữ *Bội* ấy gốc tích ở đâu ra. Theo nghĩa chữ Tàu, thì chữ *Bội* có mấy thuyết như thế này:

Thuyết thứ nhất, *Bội* là sau lưng, là mặt trái, tôi đã nói rõ trong bài phê bình, mà ông Đoàn-Nông đã dẫn ở trên, phương vì ông bảo « Bội là sau lưng chỉ là ức-thuyết », nên tôi phải vạch rõ ra, nhân tiện nói thêm mấy thuyết nữa.

**Thống-chế Pétain đã nói**

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm biểu lộ tinh thần của giống nòi, bằng lời nói, cử chỉ, các việc làm sáng kiến và chí phát minh.

Một thuyết cho chữ *Bội* do chữ *Bội phong* ở *Kinh thi*, nghĩa đen là phương Bắc, nghĩa bóng là dù các điệu lo-buồn, sầu thảm, thương-tiếc, khó than, như đầu *Bội phong* chép bài « Bách chu » là thơ đàn bà góa chồng gặp cảnh đau thương mà lở vẫn vẫn trung-hậu. Cuối *Bội phong* chép bài « nhị tử thừa chu » là tuồng của người nước Tề thương cha con tên Cấp tên Thọ cùng chết, lời văn thảm-thiết vô cùng. Lối hát bội cũng dù cả than vãn uất ức như thế, nên gọi là hát bội.

Lại một thuyết nữa, *Bội* là gấp bội, tức là nhiều, hay bội phần, nghĩa là một người kép có thể hát được nhiều giọng đóng được nhiều vai.

Đây là dựa theo chữ Tàu mà giải nghĩa, còn như người Tàu thì gọi lối chèo bội là « xướng ca » « bài ca » hoặc « bồi-lỗi ». Trong mấy tiếng ấy, có tiếng « bồi lỗi » gần giống tiếng « bội » của ta.

Còn như *Hát bộ* thì ở Bắc-kỳ có người giảng nghĩa là hát đủ *lệ bộ* các vai trong điển-tích, lại có tài hát đổi nhiều giọng, đang hát lời văn của bên nam lại đổi ra giọng lời đáp của bên nữ, đang lời vua chúa phán đổi ngay ra lời tâu của nạ thần: một mình kiêm cả các vai trong điển-tích, mỗi khi hát lại đem những trống và thanh-la khiến người nghe tưởng tượng như ngồi trong rạp hát, nên gọi là *hát bộ*.

Lại có người giảng hát bộ là nay đây mai đó, một tay cầm trống và thanh la, một tay cầm dùi, đi giong ngoài đường, ai muốn hát thì gọi vào.

Cứ hai thuyết trên này thì ở Bắc-kỳ *hát bộ* với *hát bội* khác nghĩa nhau. Nói cho rõ hơn, *hát bội* là hát chèo, hát ở rạp, có nhiều người, còn *hát bộ* là chỉ một mình một người hát cũng như cả rạp.

Lại còn một nghĩa nữa, vừa hát vừa múa hay vừa hát vừa, nhịp bằng tay cũng là hát bộ.

Cứ như thế, thì chữ *bội* với chữ *bộ*, tuy viết quốc-ngữ thì chỉ sai có chữ *i* và tiếng nói thì gần giống nhau, mà xét đến nghĩa thì khác nhau, không nên lấy chữ *bộ* gán vào chữ kia. Dầu nghĩa có giống nhau, cũng chưa nên đổi vị vị một đàng (*hát bội*) đã định nghĩa rõ ràng ở các quyển tự vị, từ Nam chí Bắc, vả lại là tên phải in trên bìa sách, một đàng (*hát bộ*) chưa có tự-vị nào chép, mà dùng lý chưa được nhất luật. Gần đây giờ tôi cũng khảo-cứu về nghề diễn-kịch ở nước ta, viết đến đoạn nhà Hồ (1400-1407), tôi đề đầu bài là « Cái ảnh-*hưởng* của nghề hát *bộ* về đời Hồ Hán-Xương », tất nhiên độc giả sẽ cho là cầu kỳ và sẽ hỏi: sao không để là « Ảnh-*hưởng* nghề hát *bội* về đời Hồ Hán-*Thương* »? Ông Đoàn Nông đặt tên sách là *Sự tích và nghệ thuật hát bộ* thì cũng thế...

*Ứng hòe* NGUYỄN VĂN-TỐ

## BIA VĂN MIẾU

# NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 98 *Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

« Tỏ năm Cảnh-thống thứ hai (1502) đời Lê Hiến-tông đến năm Hồng-thuận thứ ba (1511) đời Lê Tương-dực, cộng bốn khoa, trong có Lại khoa (1505 và 1508) về đời Lê Uy mục không có văn bia, nhưng tôi đã theo *Đăng khoa lục* và *bị khảo* chép truyện các ông nghè ở các kỳ ấy.

Bài văn bia khoa tân vị (1511) như sau này:

« Hồng-thuận năm mươi tân vị khoa, tiến-sĩ đề danh tạch ký, nghĩa là Bài ký khắc tên các ông tiến-sĩ vào bia đá khoa tân-vị (1511) là năm thứ ba hiệu Hồng thuận đời Lê Tương-dực (1509 – 1516)

« Giới mở vận trung hưng, vừa gặp năm đại-tỵ. Mùa xuân năm thứ ba hiệu Hồng-thuận, quan bộ lễ kính-viết minh-lệ (đều lệ rõ ràng) tuyển những học-trò quang-quang (1), để so sánh tài-nghề ở hơi cức-vi (2), lấy được bốn mươi bảy người đỗ

« Ngày 17 tháng 4, Hoàng thượng thân ra đầu bài hỏi về việc trị nước xưa nay. Sai Lễ quảng Độ, nguyên chức suy-trung tán-trị minh-nghĩ khiêm-cung công-thần, đặc tiến khai phủ kim-tử vinh-lộc đại-phu, binh-chương quân-quốc trọng sự, tổng thống quốc-chính, tả-ề tể-tướng Triệu-quốc công thượng-trụ quốc, và Trịnh-chí-Sâm, nguyên chức phụng-trực đại-phu, công-bộ thượng-thư tư chính thượng khanh, làm quan đề-điện; Phạm Hiệu, nguyên chức gia-khanh đại-phú, Hộ-bộ tả-thị-lang Khuông-mỹ Doãn và Đặng-minh-Khiêm nguyên chức Lại-bộ tả-thị-lang trần-liệt đại-phu Tu-thận-Doãn, làm quan giám-thị: các quan mỗi người mỗi việc.

« Sớm hôm sau, quan độc quyền là Nguyễn-bá-Nhâm, chức phụng-trực đại-phu Lễ-bộ thượng-thư, tư-chính thượng-khanh, Nguyễn-thời Ung chức phụng-trực đại-phu, thượng-thư ngự-sử-đài đô ngự sử, tư-chính thượng-khanh, và Đỗ-Nhạc, chức phụng-trực đại-phu, thượng thư đông-các đại-học-sĩ, nhập thị *Thi kinh*, tư-chính thượng-khanh, đang quyền tiến đọc. Hoàng thượng thân xem, định cao thấp, cho ba ông đỗ tiến-sĩ cập đệ là bọn Hoàng-nghĩa Phú 9 ông đỗ tiến sĩ xuất thân là bọn Bùi-doãn-Hiệu, 35 ông đỗ đồng tiến-sĩ xuất thân là bọn Trần-doãn-Minh.

« Ngày 8 tháng 5, Hoàng-thượng ngự điện kính-thiên, truyền lời xướng tên đỗ, trăm quan triều phục lạy mừng. Bộ Lại vâng ban ân mệnh, Bộ Lễ bảng bằng vàng treo ở ngoài cửa nhà Thái học. Lại cho áo mũ và thưởng yến tiệc; lễ nhạc đầy hiền, thế là đủ cả. Rồi sai Nguyễn văn-Lang, chức Dương võ hiệp-mưu đồng-đức hiệu-trung khanh-quốc công-thần, đặc tiến Kim tử vinh-lộc đại-phu ân-lý hiệu-thuận khai phủ nghi đồng tam-ty, binh-chương quân-quốc trọng-sự, phò-quốc thừa-tướng thượng tể thái-phó nghĩa quốc-công thượng-trụ-quốc, sửa lại nhà Quốc-học, làm mới hai nhà bia ở đông tây. Lại sai Nguyễn-bá Lăn, chức tả-lý công-thần, đặc tiến Kim-tử vinh-lộc đại-phu, Công-bộ thượng-thư chưởng bộ sự, trí Hiền phúc điện, Uy-quận-công thượng trụ quốc, trông nom việc khắc bia. Sai tử-thần soạn bài ký.

« Thần kính cẩn chắp tay cúi đầu mà dâng lời rằng: giời đất sinh nuôi muôn vật, phải nhờ bốn mùa mới thành công; bậc đế vương ngự trị muôn dân, phải cầu người hiền tài để giúp đỡ, cho nên nhà Ngu được thái-Lỏa, vì ngoài đồng không bỏ sót người hiền, nhà Chu được thành-tựu vì nhà vua nhiều người tuấn-sĩ, đến Hán, Đường, Tống đời về sau, những vua nguyên trị, (muốn cho trong nước thịnh trị), đều dùng người hiền lấy Lọc-trò làm việc trước.

« Đến thánh-triều ta, đức Thái-tổ Cao-hoàng-đế (Lê Lợi, 1428-1433) lấy võ-công dẹp yên thiên-hạ, đem văn-đức mà được thái-bình, đầu dựng nhà quốc học, văn-giáo từ đấy tỏ mới. Đức Thái-tông Văn-hoàng đế (1433-1442) đời theo nghiệp lớn, sửa sang phép cũ, đầu đặt nho-khoa, văn-minh từ đấy rõ-rệt. Đức Nhân-tông Tuyên-hoàng đế (1442-1459), kính theo mưu trước, nơi giữ phép xưa, nuôi dạy hiền-tài, văn-phong phấn-chấn. Đức Thánh-tông Thuần-hoàng-đế (1460-1497), chỉnh đốn kiền-cường (cương-kỷ đặc làm vua), sửa sang trị-bình, sáng mở văn-chương, rực-rỡ

nho đạo, học-vấn cao-minh, bậc thọ-khảo dạy người, kẻ chân nho kéo đa lũ lượt. Đức Hiến-Tông Duệ hoàng-đế (1497-1504), giữ vận doanh-thành, rộng nguồn giáo-hóa, kén dùng hiền lương, nhân-tài càng tiến. Đức Hoàng-đế bệ-hạ (Lê-Tương-dực), ứng-vận giới, thuận lòng người, vỗ yên nhân, dân trong cõi, tới nhà học giảng sách vở, tôn chuộng người nho nhã.

« Khoa tân vị này là khoa thứ nhất về đời trung-hưng, trộm nghĩ rằng: hiền-tài là nguyên khí của quốc-gia, nên tài bồi thêm rộng, khoa mục là phép tắc của hoàng triều, nên chấn khởi trước. Những người hào kiệt, thường từ đường ấy mà tiến lên, nhà Đường được Phòng Kiều, mà đến được nghiệp thái-bình đời Trinh-quán nhà Tống được Hàn-Kỳ, mà thiên-hạ yên như Thái-sơn, khoa mục các đời trước được hiền tài, có giúp ích cho trị-đạo kệ-trọng như thế. Lòng Thánh thượng, lo xa vốn đã định sẵn. Tấm bảng vàng này, treo ra vinh diệu biết chừng nào! Người bổ Hàn-lam, người bổ khoa đài, ân trạch dồi dào, phép-tắc gồm đủ. Đấng khoa có sách, khắc tên có bia một là để tiếng thơm trong sử sách, một là để sự nghiệp cho đời sau. Học trò sinh ở đời này, khắc tên vào tấm đá này, thật là may lắm. Nếu hay một niềm trung nghĩa, bền dạ liêm cần làm trung hiếu trạng nguyên, làm kim-ngọc quân tử. Ngày sau các học-trò ở nhà Thái-học, có người trỏ vào bia mà nói rằng: « Người này là bạn bè bổ-bảng, người này là ngang hàng kỳ anh », thì những bậc hiền tài biết lấy đấy mà khuyên mình. Nếu mà ngọc trong đá, phượng kêu cánh chim cả a-dua rứt-rát, thì thiên-hạ đời sau, có người chê rằng: « Kẻ kia khủ học, như Công-tôn-Hoằng, kẻ kia bạn kinh, như Vương-an Thạch » thì người ấy trông đấy tự răn. Vậy thì tấm đá này dựng lên, trong việc khen thưởng có ý khuyên răn. Rực-rỡ thay, quy mô của các vua trước dùng người hiền! Lớn lao thay cái khuôn-phép của thánh-thượng dùng người hiền! Sở dĩ giời đất sinh người hiền mà lập tâm, vì triều-đình dùng người hiền tài mà lập phép. Mà ngàn nghìn muôn năm trong nước thái-bình có ý ở đây. Tuần kính cẩn viết bài ký này.

« Đặc tiến kim tử vinh-lộc đại-phu thiếu-bảo, Lễ bộ thượng-thư đông-các đại-học-sĩ, kiêm quốc-tử giám tế-tửu, trì kinh-diên sự, Đôn-thư-bá trụ quốc, thần Lê Tung phụng soạn — Triều-liệt đại-phu, trung thư-giám trung-thư tả nhân, tu-thận-doãn, thần Ngô-Ninh phụng thư. — Lễ bộ tả thị lang, thành kim-quang-môn đãi-chiếu tri thượng-bảo giám các cục sự, thần Nguyễn-Huệ phụng triện.

« Bia dựng ngày.. tháng.. năm thứ 5 hiệu Hồng-thuận (1513).

*(Còn nữa)*

*Ứng hòe* NGUYỄN VĂN-TỐ

---

*1) Kinh-dịch có chữ « quan quốc chi quang » nghĩa là xem cái sang của nước, ý nói được gần vua, đỗ hoặc làm quan. Chỗ này nói người thi đỗ*

*2) Cức là gai, vi là vòng vây, hoặc xung quanh, tức là trường thi, trường thi xung quanh rào gai, nên gọi là cức-vi, cũng có khi gọi là cức-viện. Do điển-tích sau này « Về đời Ngũ-đại (907-959) bên Tàu, học trò phần nhiều phù bạc, thường làm ồn-ào để động đến chấp-lý nên mỗi khi cheo bảng đỗ, chủ ty truyền rào gai xung quanh tường, đóng cửa đình cấm người thường không được ra vào Đình Hòa-Ngưng làm chủ khảo, hôm treo bảng truyền bỏ rào gai, lại mở cửa đình, thế mà học-trò đều nghiêm-túc không ai dám làm ồn-ào (Từ nguyên, q. thìn, trang 146, dẫn Ngũ-đại-sử Hoàng-ngô truyện)*

Đã in xong **ĐÊM HỘI LONG TRÌ**

lịch sử tiểu thuyết *của* NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

— Rất hay!

— Mua ngay kẻo tiếc, in có hạn.

**TY XUẤT BẢN TRI TÂN**

*95-97 Chancelulme — Hanoi*

**GIÁ 3$60**

thêm cước 0$70

**Một bậc danh thần đời Nguyễn Sơ**

# Đào Duy-Từ

## (1570-1634)

*Khái-sinh* DƯƠNG TỤ QUÂN

### Cố chí học...

Từ, người làng Hoa-Trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Thân sinh Từ là Đào-Tá-Hán, vốn sinh nhai về nghề xướng ca. Ta thường có câu : « Cha nào con nấy ». Song câu này không hợp vào gia đình họ Đào một chút nào vì ngay lúc còn bé, Từ đã ghét cái cách ra sân khấu múa may quay cuồng hay ngồi lì ở rạp mà đận-định trống chiêng. Trái lại Từ chỉ dồn một lòng theo đuổi việc học hành.

Thông minh vốn sẵn tư giời, Từ lại siêng-năng, nên chẳng bao lâu Từ đã thông suốt kinh sử, lẫn thuộc văn thơ.

— Mùa thu năm 1593, Bình-an vương Trịnh-Tùng ban lệnh mở khoa thi. Bấy giờ Từ mới 21 tuổi, nghe tin ấy, liền đến kinh-đô nộp quyển xin ứng thi. Quan trường xét ra Từ là giòng giõi phường trẻo, chiếu trong lề luật, không được ứng thi, bèn không nhận quyển bắt phải dở về với cái nghề « vô loại ». Từ đành ôm hận mang lều chõng ra.

Nhưng Từ không nản chí, định cứ theo đuổi sự học để thọ kế tiến thân, sau vì « ở nghĩ rằng : tuy bảng vàng bia đá không phải để dành cho mình thực, song cái bước thang tiến thủ thì giời kia có bắt buộc ai phải lùi lại đâu. Khốn một nỗi cha mẹ mất sớm, nhà lại nghèo túng, lấy tiền của đâu mà tìm thầy học riêng. Từ đành phải vào làm sinh viên trường Chiêu-văn Quán. Cụ giáo dạy ở trường này, tính nghiêm khắc lắm, lỗi học trò ai có chút lỗi, dù nhỏ đến đâu, cụ cũng gọi lên quở phạt rất nghiêm, vì thế các học sinh sợ cụ như cọp.

Từ bấy giờ đã biết nghĩ, từ khi vào tập cụ giáo, không hề sao nhãng việc học, tính nết lại rất thuần hậu, đối với thầy thì một lòng kính cẩn, đối với bạn thì hết đạo yêu chiều, ấy thế mà Từ cũng bị một lần cụ giáo quở trách dữ dội. Từ muốn giữ thái độ điềm nhiên, không lộ ẻ bèn giận ai. Một bạn học hỏi Từ :

— Hôm nay cụ giáo mắng anh, sao chẳng thấy anh buồn bực ?

Từ đáp.

— Thầy sở dĩ quở ta là vì ta. Bởi ta có lỗi nên thầy mới rầy la ta ; chứ bỗng không trách mắng ta thì có ích gì ! Ta có lỗi, ta cần phải nhận lỗi, rồi phải sửa mình ta, chứ ta không nên oán thầy. Oán thầy chẳng là bội bạc lắm ru ?!

Làm sinh-viên trường Chiêu-văn quán, đã đành không phải lo tiền học, nhưng còn tiền ăn, tiền mặc thì sao ? Nhà lúng bấn, khó bề tự cấp, Từ nhiều khi thiếu ăn thiếu mặc, nên phải trông vào lòng tốt của một người bạn thân vì ham mến tài Từ mà tư trợ cho Từ. Người bạn ấy tên Lê-thời Hiến, quán làng Phú-Đào, huyện Lôi-dương trấn Hải-dương bấy giờ cũng cùng đi du học ở Đông-kinh (tức Hà-nội) với Từ.

***

### Dắp tâm bỏ đất Bắc...

Nhân khi ấy, nước Nam đã chia làm hai phe trong thì chúa Nguyễn, ngoài thì vua Lê. Mà vua Lê bấy giờ lại bị chúa Trịnh chiếm hết cả quyền hành, sự sống của dân vì cảy khổ sở, tính thần của dân vì đấy kém cỏi.

Cái cảnh đất Bắc vốn không gây được cảm tình gì hơn nhà Từ lại thêm được tin từ khi người con thứ 6 chúa Nguyễn-Hoàng là Nguyễn Phúc

Nguyên (tức Sãi-vương) lên kế nghiệp thì hàng lo việc thu dụng các nhân tài khắp nước, nên Từ muốn vào Nam tìm đường lập công.

Trong lúc đàm đạo thế sự với bạn, Từ có bảo Hiến :

« Tôi nghe chúa Nguyễn hùng cứ trong Thuận Quảng, làm nhiều việc ân đức, lại có lòng yêu kẻ sĩ, trọng người hiền, tiếng tăm dồn đại xa gần, nhiều tay tài giỏi qui phụ. Vả lại, nước giàu dân thịnh, mưa gió đều hòa, có cái cảnh tượng mỗi ngày một hơn, mai sau tất nên nghiệp lớn. Nếu ta theo vào giúp ngài, thì chẳng khác gì Trương-Lương về Hán, Ngũ Viên sang Ngô, có thể làm tỏ rạng thanh danh, ta không đến nỗi phải nát cùng cây cỏ, uổng phí một đời tài giỏi. Tôi muốn cùng anh cùng vào đó giúp họ Nguyễn, lập nên thế mạnh để diệt họ Trịnh mà nhất thống sơn hà, định yên bờ cõi, chẳng là việc nên làm ư? »

Hiến ngẫm nghĩ một lúc, rồi đáp :

— « Anh định thế, anh cho là phải, tôi cũng biết vậy. Còn tôi thì tôi nghĩ khác, nên tôi không thể nghe theo anh được. Song nếu anh đã quyết, thì anh cứ đi, tôi không dám có một lời chi ngăn cản cái chí hướng vĩ đại của anh. »

Hôm Từ sắp lên đường vào Nam, Hiến có đến thăm và bẩy ngày hôm sau cùng từ biệt nhau ở trạm Hoàng-Mai.

Giờ từ biệt, sau những nhời bàn huyên, Hiến giúp Từ hai nén bạc, làm Từ quá cảm động, nói : « Tôi đi chuyến này muốn dặm xa xôi, thành công hay không, chưa biết, nhưng thấy bể tấm lòng quí hóa của anh, nó làm cho tôi thêm sức hăng hái. Cái ơn tày trời của anh, tôi bao giờ quên cho được !

***

## Vào Nam

Đi hơn một tuần, Từ đến sông Gianh, tức Linh-Giang, là giới hạn của Bắc-hà và Nam-hà. Chỗ ấy có lính canh gác nghiêm ngặt, tuyệt bè ở Bắc vào không được đi qua. Cả đàn thường, nếu không phải là người buôn bán cũng không được tới lui, ông Từ phải nghĩ mưu dùng ống tre làm phao để lội qua sông, nhân lúc tối giời, rồi lần theo bờ sông Nam đến địa-giới Võ xương. Vào đây, là nước lạ non, Từ phải giả làm người bên bạ, đi bơ vơ các chốn xóm làng kẻo lánh.

Một hôm, đến phủ Hoài-nhân (tức phủ Bồng sơn tỉnh Bình định bây giờ) Từ thấy địa thế đẹp đẽ, phong tục thuần hậu ; vả, tiền lưng đã cạn, Từ mới tính tìm nơi nương thân. Nhân khi bụng đói chân mỏi, Từ bèn vào trong một quán nước nghỉ ngơi. Trong khi mọi người khói thuốc phì phào nước trà ngậm ngùi, Từ thấy họ khẽ nhau ở thôn Tông châu có một cụ già, mà là tay điền-chủ có tiếng, vừa là tay hào hữu một vùng.

Từ bèn tìm cách xin vào làm đứa ở nhà ấy.

Thoạt nhìn, thấy mặt mũi khôi ngô, có cái dáng dấp bọ trò, cụ già liền hỏi Từ :

— Anh quê quán đâu, cha mẹ còn hay mất, hiện làm nghề gì, mà sao phải bước cùng-đồ thế ?

Từ bèn thưa :

Tôi người Thuận-hóa, cha mẹ mất sớm từ cô vô thân, muốn đi học không đủ tiền ăn nữa, muốn đi cày, ruộng vườn không một mảng. Vì thế nên mới phải lang thang khổ sở. Nay nghe nhà cụ có nhiều ruộng, nên tôi đến xin cụ cho tôi được ở chăn trâu hầu cụ để lấy chỗ nương tựa.

Cụ già nghe nói, động lòng thương hại mà nhận cho ở.

Từ đó Từ ngày dẫn trâu ra bãi cho chúng tự do ăn cỏ, còn mình thì ngồi dưới gốc đa xem sách, đến tối về nhà thì nằm một góc lặng lẽ ngắm thơ. Tuy ít nói chuyện vẫn không ai để ý đến Từ, coi Từ như một tên mục-đồng vô học khác.

***

## Làm rạng rỡ thanh danh ở vùng Bình Định

Chuẩn ngày qua... Nhân dịp việc vui mừng, nhà cụ điền chủ làm tiệc mời các nhà tai mắt trong vùng, trong số ấy có mấy nhà danh-sĩ.

Xế chiều, Từ dẫn trâu về, thấy các khách ăn đang bàn luận về thơ văn. Từ cũng lân la lên, đứng vào một góc phòng nghe. Có kẻ cho thế là xấc mới trả lời :

— Anh là một tên chăn trâu, biết chi đến đạo Khổng Mạnh mà cũng đứng đây làm gì cho vô ích. Cái bọn tục nhân đây toàn là hạng quần tử cả, anh là kẻ tiểu nhân, công việc của anh là khi đã buộc trâu vào chuồng rồi thì xuống dưới nhà bếp mà ăn cơm rồi đi ngủ để mai dậy cơm lại đem trâu đi ăn cỏ. *(Còn nữa)*

*Khái Sinh* DƯƠNG TỤ QUÂN

# ĐẠI NAM DẬT SỰ

Số 45 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## XXX. — Đinh-Tiên hoàng

(*bật nốt*)

Sau khi đặt niên-hiệu Thái-bình (vào năm 970), Đinh Tiên-hoàng lập năm hoàng-hậu : một là Dương-gia, hai là Trần-minh, ba là Kiều quốc, bốn là Cù-quốc, năm là Ca ông. Sử thần Lê-văn Hưu có bài bàn về việc ấy rằng : « Đinh Tiên-hoàng là người không biết cổ-học, mà bấy-tôi bấy giờ lại không ai sửa chữa lại, để cho nỗi mê-dâm thiên-tư lập năm hoàng-hậu ngang nhau. Sau Lê, Lý phần nhiều bắt-chước, chính là Tiên-hoàng khởi xướng đầu-tiên ».

Năm thứ hai hiệu Thái-bình (971) Tiên-hoàng định phẩm trật các quan văn võ : cho Nguyễn-Bặc (người động Hoa-lư, châu Đại-hoàng làm Định-quốc-công. Cho Lưu-cơ (người Hoa-lư) làm chức sĩ-sư (bắt chước chức quan coi việc hình của đời Đường, ngày bên Tàu) ở phủ Đô hộ (ba chữ đô-hộ phủ của nhà Đường đặt ra, phủ-trị ở Long biên, nhà Đinh nhân theo tên ấy, đặt quan để cai-trị) Cho Lê-Hoàn (người Bảo-thái, huyện Thanh-hêm, phủ Lý-nhân) làm thập-đạo tướng-quân. Nước ta lúc bấy giờ chia trong nước làm mười đạo, chức thập đạo tướng-quân là một chức chủ-tướng coi tất cả các quân trong nước.

Đinh Tiên-hoàng sùng thượng đạo Phật, nên định phẩm trật các sư, chư tăng thống Ngô-chân-Lưu hiệu Khuông-việt thái sư. Lại lấy Trương-ma-ni làm tăng-lục, cho đạo-sĩ Đặng-huyền-Quang chức sùng-chân tuy-nghi.

Một nhà làm sử (*Đại-việt sử ký cải-lương* của Nguyễn-đình-Tân, đốc-học Hà-đông, sách viết trường Bác-cổ, số A 1146, tờ 69 a và b) bàn về việc Tiên-hoàng tôn sùng Phật-giáo như sau : « Phật-giáo ở Ấn-độ sang Trung hoa, từ đời Hán minh-đế (58-74), sang nước Nam ta không biết từ đời nào có lẽ từ thế-kỷ thứ ba trước hồi ấy chưa sách nào chép, mà khi Tiên-hoàng nhất thống nước ta đã tôn sùng Phật-giáo, đặt ra phẩm trật tăng-giai. Có lẽ trong thời-kỳ nhà Hán quận huyện, Phật giáo truyền sang nước ta từ đấy. Tiên hoàng phong châu Lưu làm thái-sư, về sau : thư Lý Thái-tổ đối với Vạn Hạnh, Nhân-tông đối với Khô-lân, Thần-tông đối với Minh-không, đến tôn làm quốc sư, cho đến dân-gian không làng nào không có chùa, không chùa nào không có sư, đạo Thích ca thịnh-hành ở nước ta, Đinh tiên-hoàng là một cái bẻ-tử phổ tế. »

Trong năm Thái-bình thứ ba và thứ tư (972-973) có việc sai Đinh Liễn đem phương-vật sang biếu vua Tàu, và việc sứ Tàu sang phong. *Việt-sử cải-lương* (tờ 70 b) có khen Tiên-hoàng là nhà ngoại-giao : « Tiên-hoàng tuy khởi từ việc võ, mà chính sách ngoại giao, cũng có thể gọi là người biết thời-thế, nghĩa là lúc bấy giờ bên Tàu thì nhà Tống mới dấy lên, lấn năm nước mạnh, dễ như bẻ cành khô củi mục ; thế cường-thịnh rất là đáng sợ ! nếu mình không giao thiệp bằng ngọc-bạch, (ngọc và lụa, tức là đồ cống-hiến) thì họ tất giao thiệp bằng can-qua (giáo-mác, tức là đánh nhau) mà Ngô-nhật-Khánh chắc là dẫn người Chiêm-thành đến trước khi Vệ-vương chưa lên ngôi. Cho nên chịu nhà Tống sách phong mà ba lần đem biếu phương-vật. Thực là một nhà ngoại-giao biết suy-xét lo nghĩ ».

Về việc nhà Đinh giao thiệp với nhà Tống, sử tàu chép hơi khác, và kể lai lịch như sau này :

« Năm thứ 6 hiệu Khai-bảo (973) đời Tống Thái-tổ, Đinh-Liễn ở Giao-châu sang cống nhà Tống, vua Tống phong Đinh Liễn làm Giao-chỉ quận vương. Nguyên cuối đời Lương (917-921), thổ-hào ở Giao Châu là Khúc Thừa-Mỹ nhân Trung-quốc có loạn, chiếm cứ cả đất mười hai châu. Nam-Hán sai tướng là Lý Tri-Thuận (Sử ta chép là Lý Khắc Chính) sang đánh Giao-châu, bắt được Thừa-Mỹ, đặt chức tiết-độ sứ ở

*Muốn làm giàu mua vé số*
**Dông Pháp**
1p00 một vé

Giao châu. Đến đầu hiệu Kiền-đức 963-965 vào đời Tống Thái-tổ) tiết độ-sứ là Ngô-xương-Văn chết, tham-mưu là bọn Ngô Sử-Bình tranh nhau cầm quyền, chức quyền thứ-sử châu Hoan là Đinh Bộ-Lĩnh dành đẹp được bọn Sử Bình, rồi tự lĩnh Giao-châu sứ, hiệu là Đại-thắng-vương, phong cho con là Đinh-Liễn làm tiết độ sứ, rồi nhường ngôi cho Đinh-Liễn (Nam-Hán đã mất 971) Liễn sang cống vời nhà Tống. Vua Tống cho Đinh-Liễn chức tĩnh-hải-quân tiết-độ sứ gia phong tước giao-chỉ quận vương (*Thông-giám cương-mục tục-biên*, q. 1 tờ 15 a).

« Năm Thái-bình thứ năm và thứ sáu (974, 975) có việc định rõ số quân, chia trong nước làm mười đạo, đặt từng quân lữ. Một đạo mười quân, một quân mười lữ, một lữ mười tốt, một tốt mười ngũ, một ngũ mười người, đều đội mũ « tử-phượng bình-định », Thứ mũ này làm bằng da, bốn bên khâu giáp mép, trên hẹp dưới rộng. *Việt sử cải-lương* (tờ 7 a) chê « Bình-chế nhà Đinh tuy nhiều mà không ích gì » như sau này :

« Phép quân nhà Đinh kể cả mười đạo, có tới trăm vạn người. Lúc ấy bờ cõi còn bền, dân sự chưa động, làm thế nào cho đủ ngạch lính ấy? Đại khái khi không việc, cho về làm ruộng cả, khi có việc thì bắt ra lính hết, nên mới đủ số. Nhưng cho về hết thì những người luyện tập gan qua ở các nơi làm ruộng chưa chắc đã quen việc đánh nhau.

Khi tụ lại thì sớm tối thiếu việc ăn dùng, không khỏi ăn là khó sở. Huống chi chức tiết chế lại giao cho cường thần tiết, thì binh-quyền về cả tay một người. Rút cục, Đỗ-Thì-Hòa khởi biến, mà quân hộ vệ cung đình không có mấy nỗi Bắc, Điền-khôi ngăn ngừa mà quân thủy quân lục chẳng được bao nhiêu, vậy thì quân lữ tuy nhiều mà có ích gì đâu ?

Việc định mũ áo các quan văn võ triều đình thì sử không chép ở.

Đến năm thái-bình thứ chín (978) Tiên-hoàng lập con nhỏ (thiếu-tử) là Hạng Lang làm thái-tử, con thứ (thứ-tử) là Toàn làm vệ-vương. Thế là có ý thiên-ái. Tiên-hoàng đã có con trưởng là Đinh-Liễn, Liễn đi theo cha từ lúc hàn vi, rất là khó nhọc mà lại công cao, nên khi Tiên-hoàng được nước, phong Đinh Liễn làm nam việt vương. Lại thỉnh mệnh ở vua Tống, phàm công việc giao thiệp với Tống, đều giao cho Đinh Liễn, mà bên Tống cũng cho nhận Đinh-Liễn làm chủ nước Nam. Xem như năm 973, vua Tống sai sứ sang phong cho Tiên-hoàng làm giao chỉ quận vương, Phong cho Đinh-Liễn làm tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ, một đạo sắc phong cả hai cha con, đến năm 975, vua Tống lại phong cho Đinh-Liễn làm giao chỉ quận-vương, thế là bên Tống cũng công-nhận Đinh-Liễn sẽ nối ngôi của Tiên-hoàng mà làm chủ nước Nam. Chỉ vì Tiên hoàng mê đắm, thiên-ái, nên mới lập con nhỏ là Hạng-Lang làm thái-tử, và phong con thứ là Đinh-Toàn làm vệ-vương. Có một điều lạ là con nhỏ thì lập làm thái tử mà con thứ thì phong vương. Vậy thì con nào trên, con nào dưới ? Và, cũng vì thế, gây ra cái họa « cốt nhục tương tàn » về sau. Đến mùa xuân năm sau (979) Đinh-Liễn ngầm sai người giết Hạng Lang.

(*Xem tiếp trang 16*)

*ĐÃ PHÁT HÀNH :*

**1 — QUANG RUNG (TẬP II)**

*của HOÀNG-BÀNG HOÀNG-THÚC TRÂM*

*Giá : 8$00*

**2 — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE**

*của CÁCH-CHI phiên dịch*

Cụ Ứng-hòe Nguyễn văn-Tố đề tựa :

« ...Những câu hay ấy ông Cách-Chi đã dụng công « phiên dịch, vẫn hay rằng nghề dịch bao giờ cũng khó, « nhưng dịch được như thế này đã là khéo lắm »

*Giá : 2$00*

Nhà xuất bản.

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

*121, Chanceaulme — Hanoi*

# Thơ « lấy chữ » truyện Kiều

*Trong Tri-Tân số 149, ông Tùng Thanh có đăng 2 bài thi vịnh nhân vật truyện Kiều trong bài « Một cách chơi văn Kiều », nay tôi xin theo những điều luật của cách chơi văn ấy làm 3 bài như sau này :*

## Vịnh Thúy Kiều

(Bài thứ nhất)

Nặng lời vàng đá mấy lâu nay,
Chẳng phải trăm năm cũng một ngày.
Duyên trước dẫu lìa người dưới nguyệt,
Ơn xưa còn gởi bức tờ mây.
Nỗi nhà phận bạc ngơ trăm mối,
Nghiêng nước tài danh cỏ mấy tay.
Trả được nghĩa chàng nào nỡ phụ,
Cơ trời tác hiệp mật là hay.

Dùng những câu trong *truyện Kiều* như sau nầy : Cùng nhau trót đã *nặng lời* ; Thề đôi *vàng đá* mà liều với thân ; *mấy lâu nay* một chút lòng chưa cạn ; cảnh kia *chẳng phải* cội nầy mà ra ; chẳng *trăm năm cũng một ngày* duyên ta ; Đã không *duyên trước* chẳng thà ; *Dẫu lìa* tơ ý còn vương tơ lòng ; tưởng *người dưới nguyệt* chén đồng ; một lời tuy có *nước xưa* ; Lòng *còn gởi* ân mây vàng ; chiến xoa với *bức tờ mây* ; nỗi mình thêm bận *nỗi nhà* ; Phận sao *phận bạc* như vôi ; Ngẫn *ngơ trăm mối* bên lòng Một mai *nghiêng nước* nghiêng thành. Sắc dành lẽ một, *tài dành* là hai ; Đàn bà dễ *có mấy tay* ; nhờ cha *trả được nghĩa chàng* cho xuôi ; Lòng nào *nỡ phụ* nghĩa người ra đi ; Rằng trong *tác hiệp cơ trời*. Rằng hay thời *thật là hay*.

***

## Bài thứ hai

Phần hơn tài sắc hiếu làm trinh,
Để tội cho ai một chữ tình.
Trướng rủ, màn che, sao phận bạc ;
Bèo trôi, sóng vỗ, quá xuân xanh.
Cây quỳ từ khi đã hoa chào ngõ,
Ngành quý còn vương bướm liệng vành.
Cửa phật tấm thân rày đã nhẹ,
Tình cờ trả được nợ ba xanh.

Dùng những câu sau nầy : So bề *tài sắc* lại là *phần hơn* ; Như nàng lấy *hiếu làm trinh* ; chúa xuân *để tội* một mình cho hoa ; Gió loan chắp mối cầm lành *cho ai* ; Lại mang lấy *một chữ tình* ; Êm đềm *trướng rủ màn che* ; Phận *sao phận bạc* như vôi ; *Bèo trôi, sóng vỗ* chốc mười lăm năm ; Cũng liều bỏ *quá xuân xanh* một đời ; một vùng như thể *cây quỳnh* cành giao ; may ra *khi đã* tay bồng tay mang ; *Hoa chào ngõ* hạnh hương bay dặm phấn ; tuổi vin *ngành quý* cho cam sự đời ; Dẫu lìa tơ ý *còn vương* tơ lòng ; chẳng như cái *bướm liệng vành* chút chơi ; ở đây *cửa phật* cũng không hợp gì ; *Tấm thân rày đã nhẹ* nhàng ; Ngày xuân đã dễ *tình cờ* mấy khi ; nhờ cha *trả được* nghĩa chàng cho xuôi ; Vì chàng duyên *nợ ba xanh*.

***

## Vịnh Từ Hải

Trần ai đã biết đấng anh hùng,
Nửa gánh gươm đàn, bốn bể không.
Trót đã hẹn lời rằng cá nước,
Làm cho rõ mặt thấy mây rồng.
Để yêu tài sắc nhà Viên ngoại,
Liều bỏ côn quyền khách Việt đông.
Oan khí tương triền thân bách chiến,
Về thần còn đứng vững như đồng.

Dùng những câu như sau nầy :

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già ; một lời *đã biết* đến ta Biết Từ là *đấng anh hùng gươm đàn nửa gánh* non sông một chèo ; Bằng nay *bốn biển không* nhà ; Cùng nhau *trót đã* nặng lời ; Nặng lời trót đã *hẹn lời* ; Từ *rằng cá nước* duyên ưa ; *Làm cho rõ mặt* phỉ thường ; Tấm đồng hầu *thấy mây rồng* cơ phen ; Tấm lòng nhi nữ *dễ siêu* anh hùng ; So bề *tài sắc* lại là phần hơn ; Có *nhà Viên ngoại* họ vương ; Cũng *liều bỏ* quá xuân xanh một đời ; *Côn quyền* hơn sức lược thao gồm tài ; Họ Từ tên Hải vốn người *Việt đông* ; Lạ thay *oan khí tương triền* ; Đem *thân bách chiến* làm tôi triều đình ; Khi thiêng khi đã *về thần* ; mặt nào *còn đứng* ở trong cõi người ; Trơ như đá *vững như đồng*.

TRỰC-TRAI (*Huế*)

# SỚM THU MƯA GIÓ...

*(Hay là vài ý nghĩ trong một buổi sớm gió mưa...)*

NGÂN-GIANG

Gió... lại gió rồi! Heo may lên từng cơn. Rồi mưa, mưa tầm-tã ào-ạt!...

Mưa gió trong đêm thu lạnh, thực có cái gì se sắt lòng người.

Trong mùa mưa này, không phải ai cũng có được một chiếc chăn để ấm mộng. Ở ngoài mưa gió kia, giữa lúc này, lẫn có những người giá yêu, những trẻ bơ-vơ...

*Lầu hoa mấy bạn lòng nhung gấm,*
*Hè lá bao người đắp gió mưa.....*

Qua hơi thăn ấm, thấy lạt gió thế, lại nhớ ngay câu:

*Đêm qua gió lắp, mưa sa,*
*Tức thay hoa rụng biết là bao nhiêu!*

Người xưa thương hoa rụng, vì lúc ấy đương vụ hoa. Bây giờ đến mùa cúc rồi, nỗi thương hoa vẫn được tạm khuây; vì cái giống hoa ẩn dật này đâu có ngại-ngùng phong vũ! Cho nên khi ngửi tới mùi cúc của hoa trong gió, lại tưởng đến nét gầy của hoa trong sương, lòng cảng thêm kính mến loài hoa mùa thu.

Giá là cảnh đào, thì đã tơi-tả. Giá là hoa phù-dung thì đã tàn phai! Chịu sao được với sương muối, gió may, riêng có hoa của Đào Uyên-Minh: trang-nghiêm, diễm lệ.

*Thướt tha muôn cánh hoa vàng,*
*Toả bên đài ngọc dịu-dàng trong thu.*

Trời cứ sáng dần dần... Buổi sớm của ngày trọng thu heo-hút lắm!

Bỗng có tiếng rao báo từ xa vẳng đến, một tiếng, hai tiếng... rồi ba tiếng... Rồi từ nẻo xa xa ấy đưa đến lại, dội lên, như những tiếng kêu dài của người chứa đầy oán-uất, đổ nhoà vào trong gió sớm lạnh-lùng.

Không hiểu làm sao, tôi nghe những tiếng đó, bỗng rợn mình: Có lẽ là tiếng của đứa trẻ, có lẽ cũng là tiếng của người già. Mà đấy lẫn là một cảnh kinh-mưu sinh, có cạnh-tranh có vật-lộn đương diễn ra ngoài đường phố giữa lúc nhiều nhà trong nhung, trên lụa, êm-đềm mộng đẹp đương say. Gió cứ lồng lộng... Tiếng rao lúc nghe như thà: thanh, lại có lúc hình như đâu đây có lời rên-rỉ, van xin, oán trách...

Hồi cái hạn cọc! Cứng bão ác tôi tưởng-tượng quá mạnh.

Cảm thấy thế, cứ xin chép ra cho đúng với lòng. Tiếng rao bán ở ngoài đường khiến tôi còn nhớ những ngày còn lạc ở Ô-thôn (một làng cuối chân thành): trong ngõ có một bà cụ, tuổi ngoại bảy mươi, hai mắt lòa lẫn, mà sáng nào cũng đi rao bán ngoài phố.

Bà cụ ấy tay phải cắp bao, tay trái đưa ra vịn vào vai thằng cháu bé. Người già thì tuổi tác quá cao, mà đứa trẻ thì sức còn non dại!

Tiếng bà cụ rao bán thều-thào, như người giới-giăng bên đường bệnh. Bước bà cụ đi chầm-chậm như lần đường về nẻo chiêm-bao...

Hai bà cháu cụ ấy có lẽ là hiện-thân của những Nghèo nàn, Khổ não!

Than ôi, đến khi ánh nắng ấm dạm của những sớm mùa thu ấy đã luồn qua khe cửa, vào đến trong nhà, nghĩa là vào khoảng bảy, tám giờ sáng, thì dây đó tiếng rao bán đã thưa thớt, uể-oải, mệt nhọc; có khi đứt lẫn! Chính khu đó, có phải những cổ họng ấy đã khan rồi? Những buồng phổi ấy đã rách rồi? Những sinh-lực ấy đã vơi đi một ít rồi?.. Nghĩ vậy, tôi lỗng giật mình, nhớ tới một sớm mùa thu lạnh, chốn quê nhà: Tôi trở dậy rón bước ra ngoài vườn, sương sớm óng ánh trong lòng hoa. Trời giá ngắt! Hình như đêm trước đã nhiều mưa gió, mà mưa gió lại quá tơi-bời! Tự-nhiên một mối thương sót lên vào tâm tư. Tôi dạo khắp vườn, cúi xuống những túm hoa hàm-tiếu của mấy giò cúc dại đóa, có ý muốn gửi hoa một chút tình thương. Bỗng lòng tôi se lại, thấm-thía khi nhận thấy trên một đài hoa có cái đôi cánh bướm đã tàn phấn đã rã!

Vậy, nếu ai đã nhìn thấy một chiếc bướm lẻ loi trên đài hoa giữa một sớm đầy gió lạnh và sương muối, chắc đã hiểu thế nào là một mối thương tâm.

Cho nên, bây giờ, tôi cứ nhớ đến mỗi buổi sáng tôi đặt vào bàn

tay dân-đeo của bà cụ lòa ấy mấy đồng xu để đổi lấy tờ báo ta lòng còn thấy bồi-hồi xúc-cảm... Rồi tôi lại hên-tưởng tới những đứa bé bán báo trong buổi sớm giữa nơi kinh-thành hiếu họ này.

Ở nhà, tại làm sao cứ để họ phải rao lên, hét lếu trong những khi các nhà báo có thể cho họ một cách thuận-tiện hơn để họ làm việc. Tại sao không trao cho họ mỗi đứa một cái chuông hay bộ khánh? (hoặc họ phải lo mua lấy khi họ muốn làm nghề bán báo)

Khi tiếng chuông hay khánh khắp nơi rung lên, ấy là có báo bán đó! Rồi thành lệ, người ta sẽ quen đi. Từ đấy sẽ không phải dùng đến tiếng rao vỡ phổi để cạnh tranh nhau của những người làm cái việc có thể gọi là đẹp-đẽ, việc đi báo tin-tức và gửi gắm văn-chương cho mọi người.

Tờ báo được coi như tiếng chuông, tiếng khánh vang lên mỗi buổi sớm mai để đánh thức giấc say của dân-chúng, còn gì thi-vị bằng!

Nhân thấy trời thu gió lạnh, và nghe tiếng những trẻ rao báo ngoài đường hoặc cả phố xa gần, vọng lại, tôi vội viết ra những ý tưởng của lòng. Rập mong người bốn phương trời sẽ đồng-tâm hưởng ứng, khiến cho những đứa trẻ bán báo được giữ gìn lấy chút hơi nóng.

Luồn trong mưa gió lạnh, giữa lúc tôi viết mấy giòng này ở cuối phố vẫn còn vẳng đến giọng đứa trẻ rao báo đã khản-khản vì... mệt nhọc!...

NGÂN-GIANG

*Viết một sớm thu mưa gió*
*(Trích trong tập Bát-ký)*

## ĐẠI NAM DẬT SỰ

*(Tiếp theo trang 18)*

Lúc bấy giờ trong nước yên-ổn ngoài cõi phục-tùng, đáng lẽ nằm một chỗ gối cao mà yên hưởng thái-bình mới phải, ngờ đâu một việc đáng lo sợ lại ở trong kẽ nách, tức là việc « Đỗ-Thích thích Đinh Đinh », Đỗ-Thích trước kia là tiểu-lại ở Đồng-quan, có một đêm nằm ở trên cầu, thấy sao sa vào miệng tự cho là điềm thần dị, mới hy-vọng những việc trái-phép. Đến lúc này (979) Đỗ Thích làm chức chi-hậu nội-thị nên được gần vua, ra vào tự nhiên. Nhân bốn vua say rượu nằm ở sân trong cung, Đỗ Thích giết vua Tiên-hoàng và Định-Liễn, triều thần biết, ra lệnh bắt rất nghiêm ngặt, Đỗ Thích trốn ở mảng nước trong cung, đã qua ba ngày, tìm khắp không thấy, gặp hôm giời mưa mà Đỗ-Thích lại khát, thò tay hứng nước để uống, cung-nữ trông thấy, chạy đến bảo Nguyễn-Bặc. Bặc bắt Đỗ-Thích giết chết. *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (q. 1, tờ 6a) chép rằng: « Cung-nữ trông thấy Đỗ-Thích đến bảo Định quốc-công Nguyễn-Bặc. Bặc sai người bắt chém, giã nhỏ sương, làm nát thịt, chia cho người trong nước ăn, chẳng ai là chẳng tranh nhau ăn thịt ».

Định-quốc-công Nguyễn-Bặc cùng bọn Đinh-Đề, Lê Hoàn đón vệ-vương Toàn lên ngôi hoàng-đế, truy tôn Đinh Bộ Lĩnh là Tiên Hoàng-đế.

*(Còn nữa)*

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

*Sắp in xong*

**« PHẤN ĐẤU »**

*của MINH TUYỀN*

Một tập thơ hùng-tráng ca-tụng sức sống mãnh-liệt của dân-tộc Việt-nam và sức tranh-đấu khẳng-khiếp của Loài Người với Tạo-Vật.

Một tập thơ triết-lý phát nhìn qua toàn-thể lịch-sử Nhân Loại để bày tỏ những quan niệm về Tạo-Hóa, về vũ-trụ về lý-do tồn-tại của nhân-sinh...

Tựa của Hoa-Bằng, một thiên khảo-cứu rất công-phu, tổng quát những biến-thiên trong lịch-sử thi ca nước ta từ trước đến giờ.

Họa sĩ Trịnh-Vân trình bày bìa và vẽ nhiều phụ-bản rất mỹ quan, mỗi tấm phụ bản có một màu-sắc đặc-biệt

*Đón coi*

**Bài phú Trung lễ thất hỏa**
của LÊ THƯỢC

**Lữ Ký**
của Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

***

**CHỮ NHO HỌC LẤY**

*Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn*

Toàn bộ 2 quyển
Giá 4$00 cước 0$45

Bán tại:
Hiệu sách Đông Tây, 185, phố hàng Bông — Hanoi

# Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 69

*Ứng hoè* NGUYỄN VĂN-TỐ

## CXXXV. — Kim-Vân Kiều

*(bài nối)*

Câu « Ba quân chỉ ngọn cờ đào, Đạb ra Vô-tích, đạo vào Lâm-chuy » đổi người gắng một nghĩa: người thì gắng hai đạo đi, còn một đạo ở nhà; người thì gắng đạo nào cũng có ba quân, là trung, tả, hữu; nhưng chính chữ « tam quân » sách thì gắng là một vạn hai nghìn năm trăm người là một quân. Phép nhà Chu, Thiên-tử sáu quân, chư hầu nước lớn ba quân, nước vừa vừa hai quân, nước nhỏ một quân. Từ đời Xuân-thu trở về sau, gọi chung tên quân-đội là ba quân, chứ không phải là số ba.

— Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (in năm 1920, tr. 146, và năm 1943, tr. 560), phường bản của Quan-văn-đường (tờ 72 b), *Kim Vân Kiều chú* (sách viết Trường Bác-cổ, số AB 233, q. 2, tờ 4 b) chép « Chiếu danh tầm-nã, bắt về tỏ tra ». Kinh bản của cụ Kiều đình Mậu (*Đoạn trường tân thanh*, tờ 58 b) và *Vương Kim diễn tự* (sách viết Trường Bác-cổ, số AB 234, tờ 65 b) chép là « Chiếu danh truy nã, đem về tỏ tra »: chữ « đem » với chữ « bắt » cũng như nhau; còn chữ « truy nã » với chữ « tầm-nã » thì tường chữ « truy-nã » phải hơn, vì việc đã qua rồi, theo sau mà hắt, thì dùng chữ « truy » mới phải nghĩa: « truy » chính nghĩa là đuổi theo.

Quốc-ngữ mới (1943, tr. 561-562), phường bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Đạo trời bảo phục chẳn ghê Khéo thay! một mỏ tóm về đầy nơi ». Kinh bản chép « Chia đi mọi ngả, tóm về đầy nơi »: Quốc-ngữ cũ (tr. 146) chép là « Sai đi các ngả tóm về đầy nơi ».

Các bản đều viết « Cho gươm mời đến Thúc-lang, Một nhà chầm cỗ, mình đường gỗ-giun ». Duy phường-bản chép « cho gươm đưa đến Thúc-lang », kinh-bản chép « Sở tên trước rước Thúc lang ».

— Các bản đều viết « Kiến bò miệng chén chưa lâu, Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ». Duy kinh bản chép « Mưu sâu đành trả nghĩa sâu cho vừa » phải hơn: chữ « đành » tỏ ý Thúy Kiều không hại Hoạn-thư. Vậy thì câu « Lòng riêng mừng sợ khôn cầm, Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai » xưa nay vẫn gắng chữ « cho ai » là ám-chỉ Thúy-Kiều, nhưng trên này Thúy Kiều đã nói ra « đành trả nghĩa » cho Hoạn-Thư, thì chữ « cho ai » này là Hoạn-Thư mới phải.

— Các bản đều viết: « Kíp truyền chư tướng hiến-phù, Lại đem các tội phạm-tù hậu-tra ». Duy quốc-ngữ mới (tr. 57 a) viết là « phạm-đồ », thế là trông nhầm chữ « tù » ra chữ « đồ »: chữ « tù » trông giống hữ « đồ » là toàn, hoặc địa-đồ. Nếu thật tác giả dùng chữ « phạm đồ » thì phải viết chữ « đồ » là lũ, chứ không viết chữ « đồ » đồng chuồng bơ gồng chữ « tù ». Nhưng chữ « phạm đồ » cũng có nghĩa, tức là lũ tội phạm.

— Các bản đều viết « Trót lòng gây vậy chồng gai, Còn chờ lượng bể thương bài vào chăng ». Duy kinh bản viết « Trót đã », phải hơn.

— Đến câu dưới, các bản đều viết « Khen cho tiết đã nên rằng, Khôn ngoan đến bực phòi-rằng phải lời ». Duy kinh bản chép là « Khen cho kiếp đã nên rằng ».

— Các bản đều viết « Trước là Bạc-hạnh, Bạc bà, Sau là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh ». Duy kinh bản chép: « Nào là Bạc-hạnh, Bạc bà, Nào là Ưng, Khuyển, nào là Sở Khanh », phải hơn, vì đặt chữ « trước » và chữ « bên » thì ý cầu kỳ, mà bản chữ nào cũng không nói rõ. Theo kinh bản thì lời vận tự nhiên hơn.

(*Còn nữa*)

*Ứng hoè* NGUYỄN-VĂN TỐ

*Nhiều quyển sách tìm*
**mua không còn nữa!**

*Tủ sách quí của bạn, vì cho mượn hay vì mất cắp mà thiếu nhiều quyển nay tìm mua khắp nơi không có, bạn hãy viết ngay thư kèm tem 0 $ 15 cho:*

**Kiosque Thanh Tao**
**Vinh**

*vài ngày sau, bạn sẽ nhận được sấp giấy đánh máy kê tên trên 200 quyển, đủ các loại (khảo-cứu, phê-bình, phóng sự, kịch, thơ, tiểu-thuyết) xuất bản từ 1940 đến nay.*

*Mua 1 lần 30 $ 00 bạn sẽ không phải chịu tiền cước. Thứ nào chúng tôi không có, sẽ cố tìm mua giúm bạn*

# HAI MƯƠI BÀI TẬP KIỀU

## tương - truyện là của Hà Tôn - phủ

Số 2

SONG CỐI

### Hồi thứ mười

*Mặt mo chàng Sở vác bào.*
*Lòng vỡ, mụ Tú dạy ngón...*

Hết lời thú thực thỉnh cầu,
Mặt mo đi thấy ở đâu dẫn vào!
Chếm cha cái số hoa đào!
Gần đây nào phải người nào xôi!
Thôi thì mắc lận thì thôi,
Lấy mình mà gả nợ đời cho xong.
Này con học lấy làm lòng,
Nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe.

***

### Hồi thứ mười một

*Trách trời già: lầu xanh, hận ngập!*
*Xót phận trẻ: nhà vàng, ngọc treo!*

Bình-khang nấu nướng bấy lâu,
Để ai giăng xót hoa sầu vì ai.
Cho hay muôn sự tại giời,
Khéo thay mang lấy sắc tài làm chi.
Những là nương nấu qua thì,
Giây duyên sau lại xe về Thúc-lang.
Người yểu-điệu, khách văn-chương,
Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên.

***

### Hồi thứ mười hai

*Vệ Hoa-dương khéo xoay ả Mã.*
*Thúc Kỳ lâm mừng gặp nàng Vương*

Thúc-sinh quen thói bốc rời,
Ra tay tế-độ vớt người trầm luân.
Những mừng được chốn yên thân,
Hoa xuân đương nhị, ngày xuân còn dài.
Đầu-đo râu sắc, cân tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp nhời phong-ba.
Rõ-ràng thực lứa đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao!

***

### Hồi thứ mười ba

*Đau lòng ly biệt: đi ở giằng giằng.*
*Gớm máu ghen tuông: trong, ngoài bẽ bàng-bịt*

Nghĩ tình chàng Thúc mà thương:
Mối sầu xẻ nửa, bước đường chia hai
Bây giờ một vực, một giời,
Trước hàm sư-tử gửi người dằng la.
Chàng về xem ý-tứ nhà
Trước là đẹp ý sau tả biết tình.
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Nào ai cỏ khảo mà mình lại tưng,

***

### Hồi thứ mười bốn

*Khuyên, Ưng nhà Hoạn khéo đánh lận sông.*
*Mỹ nhân họ Vương đành cam giày giạn.*

Tình ngay ai biết mưu gian,
Sự này hỏi Thúc-sinh-lang mới tường.
Vì ai nên nỗi dở dang
Bắt về Vô tích tìm đường bể hoa!
Vợ chàng quỉ quái tinh ma,
Có nghe mình trước, chẳng là lụy sau.
Thân ta, ta phải lo âu:
Phận con hầu, giữ con hầu dám sai!

***

### Hồi thứ mười lăm

*Sống nơi địa ngục - nín tiếng, im hơi.*
*Mượn cửa từ bi: chép kinh rửi nguyện.*

Nghĩ rằng ngứa ghẻ, đòn ghen,
Hay đâu địa-ngục ở miền nhân-gian!
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Khiến người trên tiệc cũng tan tác lòng.
Thưa rằng lượng cả bao dung,
Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.
Nàng từ dã gót vườn hoa:
Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng!

***

### Hồi thứ mười sáu

*Quan-âm cốc, đánh liều cùng than thở.*
*Văn-thù am, gặp hứng lại ngâm đề.*

Thừa cơ sinh mới lẻn ra;
Tiểu-thư đâu đã gót hoa bước vào.
Sượng sùng đánh dạn ra chào:
Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ!
Đương khi bất ý chẳng ngờ,
Rắp đem mệnh bạc ra nhờ cửa không.

Kẻ kinh cẩu cũ thuộc lòng,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai.

***

Hồi thứ mười bảy

*Cửa Phật gặp nạn, sa chân trụy lạc!*

*Lầu xanh nặng nợ, để mắt anh-hùng.*

Nghĩ đời mà ngán cho đời:
Người đâu mà lại có người tinh-ma!
Kẻ từ lạc bước chân ra,
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia;
Họa-khôi tên gọi Kiều-nhi,
Phải người giẫng gió vần vì thay sao!
Lạ dây, hỡi khách mà đào!
Tấm lòng nhi-nữ xứng siêu anh-hùng.

***

Hồi thứ mười tám

*Gươm Thúy-Kiều giết kẻ làm bậy.*

*Vàng Từ-Hải lặng người có ơn.*

Cũng ngôi mệnh phụ đường-đường,
Chút còn ân oán dôi đường chưa xong.
Anh-hùng mới biết anh-hùng,
Khéo trong gặp-gỡ cũng trong chuyền vần.
Trướng hùm mở tiệc trung-quân,
Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.
Nàng từ ân oán xong-xuôi,
Đành lòng nàng cũng sẽ nguôi dần dần.

***

Hồi thứ mười chín

*Đem thân về với... Từ Hải thiệt đời!*

*Dứt ruột còn gì! Thúy-Kiều nhẹ kiếp.*

Nghe mời thành hạ yêu minh,
Thất cơ Từ đã thu linh trận tiền.
Thúy-Kiều tài sắc khôn-ngoan,
Cho duyên dằm-thắm ra duyên bẽ-bàng.
Một mình cay đắng trăm đường,
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thôi!
Phận sao phận bạc như vôi
Tấm lòng phó mặc trên giời, dưới sông

***

Hồi thứ hai mươi

*Kim-Trọng đau thương chiêu hồn người sống.*

*Thúy-Kiều mừng rỡ, chắp mối tơ xưa.*

Nguyên người quanh quất đâu ta!
Người còn sao bỗng làm mà khóc người!
Thấy nhời quyết đoán lắm hoi
Duyên ta mà cũng phúc giời chi không.
Được rày tại thế tương phùng
Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
Cùng nhau trông mặt cả cười:
Nọ chàng Kim Trọng là người ngày xưa!

(hết) SONG LO

TỦ SÁCH NGÀY NAY

*Đã phát hành:*

# KHỔNG GIÁO

với

**Ô. ĐÀO-DUY-ANH**

*Nguyễn ngọc Diễm*

Phê bình và nghiên cứu

*Giá 4$00*

Nghiên cứu thật rõ tất cả những động lực xã-hội và lịch sử giúp cho sự thắng thế của khổng giáo.

Biểu lộ thật rõ vai trò đẳng cấp của khổng giáo.

**ĐẠI HỌC THƯ XÃ**

*184 Henri d'Orléans Hanoi*

*Giám Đốc:* LÊ MỘNG CẦU

Thư-xã Alexandre de Rhodes

*Mới xuất bản hai cuốn.*

**TRUYỆN RỪNG XANH**

*Phạm xuân-Độ phổ nghĩa thuật*

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23

**LỤC SÚC TRANH CÔNG**

*bản dịch Pháp văn của Hoàng hữu Vũng và A. de R.*

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ ngâm, thì Lục súc tranh công của tự nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều non lắm. » dày 170 trang khổ 17x23, bìa đẹp mỹ-thuật và nhiều ảnh.

*mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$59*
*bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00*

Tổng phát hành

**MAI-LĨNH**

*42, Rue des Pipes Hanoi*

## Phong trào sách báo...

(Tiếp theo trang 5)

Giấy in sách báo càng ngày càng hiếm. Giấy ngoại không vào được và số sản xuất trong xứ không đủ để cung cấp sự cần dùng.

Muốn tránh nạn đó, chính phủ đã ra lệnh không cho phép xuất bản các sách xét ra vô ích và đã buộc cả nhà xuất bản phải xin phép lấy môn bài.

Có người bàn nên hạn chế thêm các nhà xuất bản để cho số sách ra rất ít.

Nhưng hạn chế bằng cách nào? Lẽ tất nhiên không thể căn cứ vào đời sống của một nhà xuất bản mà công nhận là nhà xuất bản ấy chính thức.

Lại cần phải xét đến phẩm và lượng các sách đã xuất bản vì đó mới là chân giá trị của một nhà xuất bản có thể tồn tại.

Hạn chế nhà xuất bản là một phương pháp tối quan trọng và rất nguy hiểm nó có can thiệp đến đời sống của con nhà cầm bút.

Không cần nói ai cũng rõ, những nhà văn ở xứ này phần nhiều thuộc vào hạng vô sản và chỉ còn trông cậy vào ngòi bút của mình mà sinh sống.

Nhiều tờ báo vì tình thế khó khăn đã phải xa lìa độc giả mà góp mặt trong nghĩa trang báo chí. Biết bao nhà văn nhà báo trước kia đã từng múa bút trên văn đàn nay phải im hơi lặng tiếng mà lâm vào cảnh nghèo nàn túng kiết. Hy dang làm mồi cho các bệnh tật và đành lòng trao thân thể cho vi trùng lao thành hao dần một ngày, gia âm thầm tắt nghỉ trong các lều tranh hiu quạnh!

Một phần lớn các nhà văn hiện thời chỉ còn trông cậy vào chút ít tài riêng, cặm cụi viết sách để sinh sống cho qua những ngày tân khổ.

Viết xong sách, họ vội vã giao cho nhà xuất bản để lĩnh non lĩnh già chút tiền nhuận bút. Mà tiền nhuận bút của một tác-phẩm ở xứ này phỏng được là bao. Vì số in ra có hạn nên một cuốn sách khảo cứu hay văn chương hàng trăm trang giấy mà chỉ bán được vài trăm đồng là hậu. Với số tiền bạc bẽ bàng ấy các nhà văn không kỳ quản mà vẫn vui lòng theo đuổi mộng văn chương để phụng sự những cái thiêng liêng cao quý.

Nếu một mai số các nhà xuất bản giảm dần, các tác-phẩm không được đem in thì số phận cheo neo và điêu đứng của một số đông nhà văn hiện đại lại càng điêu đứng và cheo neo hơn nữa! Thân thể họ sẽ bị áo cơm hằng ngày bành bạ. Họ không còn trông mong vào đâu mà cung cấp cho sự nhu cầu thiết yếu của gia đình đông đúc.

Số nhà xuất bản giảm đi không những sẽ làm khốn quẫn một số đông nhà cầm bút mà còn sô đẩy một số đông anh em lao động vẫn sống về nghề in sách báo lâm vào cảnh túng thiếu lắng ngày!

Hơn nữa, các món ăn tinh thần của quần chúng sẽ giảm đi nhiều. Sự thiếu sách báo sẽ thả rông các thói hư tật xấu để làm việc cho sự đồi phong bại tục!

Thật là một mối lo lớn cho số đông người không còn biết tìm cách sống nào khác trước mặt sống gay go của thời cuộc gây nên.

***

Cũng nạn khan giấy đã làm gương mẫu của cái ảnh thế khó khăn ấy trong đám các nhà văn và nhà xuất bản.

Sự khan giấy sẽ bớt được một phần lớn nếu số bột giấy dùng làm các vàng mã sẽ dành riêng cho việc làm các giấy in sách báo.

Và hết thảy mọi người trong văn giới đều tin rằng với các phương pháp sáng suốt khác của nhà đương cuộc có thể cứu vãn được nạn khan giấy để tránh khỏi giảm các nhà xuất bản với nạn xô đẩy các văn nhân vào cảnh thất nghiệp nguy nan.

Phần đông các nhà văn nhà báo bao giờ cũng là những người biết hi sinh tự tại cho một nhiệm vụ thông thái, biết sống sáng tự coi mình là kẻ tiên phong để hướng dẫn dư luận và chỉ đạo cho đại quần chúng.

Những nhà cầm bút lại là những người rất có ảnh hưởng đến việc khai hóa dân trí.

Hết thảy mọi người đều thiết tha mong những nhà cầm bút không vì nạn khan giấy mà im hơi lặng tiếng trên văn đàn để cùng các nhà xuất bản làm việc cho văn hóa của đất nước.

PHẠM-MANH-PHAN

---

### Hộp thư

*Ô. Trần Sơn Qui Nhơn: gửi thư cho ông C.h.T. tòa soạn báo Tin Mới. Những số báo ông hỏi hiện hết cả.*

*Ô. Đặng v. Phát Bạcliêu: những báo ông hỏi hết cả. Rất tiếc.*

*Ô. Văn Vinh Long xuyên: không có lệ trả nữa vì giấy đắt và công in cao.* T.T

## Tự-vị thuốc tây

(Tiếp theo trang 4)

mới trả lời hộ ông Chu-Thiên về chỗ mâu-thuẫn ấy?

Nhưng trong bài phê-bình tôi chỉ nói lượt qua, tôi dẫn câu: « Nữ yết thái thịnh, nghĩa là con gái hầu quá nhiều » ở quyển *Việt-sử tổng vịnh*, là cố ý để ông Chu-Thiên mở sách xem lại chứ có phải tự ông Chu-Thiên dịch ra đâu!

« Thế là chỉ có 16 dòng phê-bình mà *Văn mới* cũng không xem nổi! Đến ngay sách của *Văn mới* xuất-bản, *Văn mới* cũng quên ông Chu-Thiên chỉ viết có câu « Vua thường ham mê nữ sắc, phát ra bệnh lở nhiều »! Ông không hề dẫn đến câu *Việt sử tổng vịnh*, mà câu của ông cũng không phải là dịch ở *Việt sử tổng vịnh*. Thế mà *Văn mới* dám bịa ra rằng « câu của ông Chu Thiên là dịch (?!) ở câu « *chữ nho chép trong Việt sử tổng vịnh.* »! — Bịa ra thế để làm gì? — Để kiếm chuyện « nghị luận »! Nhưng không ngờ thế là thò cái kém của mình ra, mà lại lộ cái chỗ mâu-thuẫn của ông Chu-Thiên! Thảo nào chữ tây có câu: « Thường chỉ bạn bè mới hay phản bạn »!

Xem thế đủ biết việc dẫn sách là việc rất cần, không những là đúng phép làm sử, lại còn tránh được tiếng « mượn không xin phép ». Như ông Lương-Dực Thiệp làm quyển *Xã-hội việt nam* cho *Văn mới*, « mượn » bài *ông nghè triều Lê*, nhưng lại « quên » không dẫn. Ông Nguyễn-Dực Quỳnh, chủ bút *Văn mới*, làm quyển sử Á-cập viết ở trang 74 một câu rằng: « So với những phế-tượng đào thấy ở trong các lăng tẩm, hay tạc ở trên các thành quách (?) thì thấy rõ người dân Á-cập cổ thời rất (?) tương tự giống người (?) fellahs vốn là dân bản xứ Á-cập hiện đại ». Câu ấy ông Quỳnh dịch ở sách tây, nhưng dịch sai, mà không nói là dịch của ai, làm như của mình đặt ra, tôi đã nói qua ở *Tri-Tân* số 114, ngày 30.9.1943, trang 4. Câu chữ tây như thế này: « Les statues trouvées dans les tombeaux, les personnages sculptés dans les bas reliefs qui ornent les monuments, montrent que les Egyptiens d'autrefois ressemblaient aux fellahs ou paysans d'aujourd'hui. — trích ở quyển A. Malet, *L'antiquité* tr. 7)

Giá ông Quỳnh dẫn sách, tức là làm cái việc ông gọi là « tờ a tờ b », thì ai dám bảo ông là đi « mượn », dám đổ cho ông là phạm « quyền sở hữu »?

Ở bài phê-bình tôi chỉ nói qua những chỗ ấy, nhưng *Văn mới* không muốn hiểu, bắt đắc dĩ tôi phải nói lại cho rõ.

Ấy thế mà *Văn mới* còn bịa ra chuyện « nô lệ sách vở ». Có phải lại thế mà *Văn mới* không dẫn sách không? Nếu thế thì nhầm lắm, mà tỏ ra rằng *Văn mới* chưa biết cách làm sử, và lại mang tiếng là chép văn của người.

*Văn mới* viết ở tập *Nghị luận* (trang 77-78) một bài để là *Lý luận hủ nho*, trong có câu kết rằng: « Tân nho hay cựu nho mà vẫn cái lối nô lệ cổ-nhân, nô lệ sách vở như thế thì cũng vẫn chỉ là hủ nho thôi vậy ». Tôi dám chắc ai đọc đến câu ấy cũng phải bật cười, vì đã chê hủ nho mà lại dùng hai chữ « thôi vậy » (dĩ hĩ) chính là lối văn hủ nho!

Lại, trái với câu *Văn mới* đang ở đầu trang dưới (là trang 82 cùng số *Nghị luận* này). Câu ấy nói « ông Hoàng-đạo-Thúy có cái tham vọng làm một bậc « thầy » sáng suốt dẫn đạo thanh niên Việt-nam trong cuộc sống hiện tại ». *Văn mới* lại nói thêm rằng: « Chẳng như lấy thế làm mãn nguyện, ông lại còn muốn làm thầy tất cả các bậc thầy ở xứ ta ».

*Văn mới* nói như thế, có phải trái với đoạn « ...phải lấy gia-đình làm trọng... vì sách đã có câu... » ở trên không? Đến bài này nói tới ông Hoàng đạo Thúy, là một bậc hướng đạo được thanh-niên tôn trọng, thì *Văn mới* lại nói trái lại như câu « ...làm thầy tất cả các bậc thầy... », rõ ràng mâu-thuẫn với câu « nô lệ sách vở » mà không biết!

Chẳng những thế mà thôi, lại còn bác cả việc kính lễ tổ-tiên! *Văn mới* thật là có tội với văn-hóa nước nhà!

(*Còn nữa*)

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

## In nhầm

*Kỳ này, ở bài một bậc Danh thần đời Nguyễn Sơ, (trang 10) đã rút cái đầu đề « Đào Duy Từ » xin đọc (1572-1634) chứ không phải 1570 1634 như đã in.*

*Nhà sách*

NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

*62, Marechal Foch — DALAT*

Bán đủ Báo chí sách vở

*Nhận đóng sách*

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

# An Tư

*« Khiến nhân lỗng An-Tư công-chúa*
*Vô Thoát Uoan, đạc thư quốc nan đã. »*
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

*Kính tặng hương hồn mẫu thân*

NGUYỄN-HUY-TƯỢNG

Số 13

Trong buổi đầu xuân, Quốc-công cùng mọi người nâng chén rượu thề quên thân đuổi giặc. Ý hào hùng của tráng sĩ nhẹ hơn gió xuân, cung kiếm đẹp hơn giò bánh và những tiếng chan chát của côn quyền vui hơn tiếng pháo. Người ta mừng tuổi nhau, người ta hỏi nhau về binh thư, về võ nghệ, người ta thi đai sắc, thi chạy nhanh; và giải trí, người ta quây quần nghe những bạn hát giỏi hay đàn sáo hay, vỗ tay làm nhịp hay múa kiếm mua vui. Cho nên ở đây, tuy sặc mùi chiến tranh, binh chết phẳng phất, mà cuộc đời có một sinh thú vô cùng thiêng-liêng cao quí. Người ta đã hưởng một thứ lạ lùng, ra ngoài khuôn khổ tết của người thường, người ta cảm thấy cái say xưa kiêu ngạo của chàng thủy thủ đứng mũi thuyền cuống chọi với sóng gió, vững tay mạnh lái, cố tránh cho những kẻ ngồi trong khoang ầm nỗi chết đi rồi vực sâu. Vương đã dần dần thân với những anh hùng mà chàng kính phục và muốn theo gương cao đảm. Quảng quyền luyến tất cả mọi người, Những bất trắc của nghề binh đao càng làm cho họ thân nhau, giúp đỡ lẫn nhau, không tính toán không quản công. Chỉ vài hôm chàng đã hoàn toàn, là người con yêu quí trong đại gia-đình Quốc-công.

Và chính ở đây, chàng mới cảm thấy tất cả cái nghĩa của gia-đình, vì ở đây người ta sống hòa hợp nhau, anh em ruột cũng không có những hi sinh như thế. Quốc-công qua xứng đáng là chủ cái gia-đình ấy.

Chính gia-đình riêng của Quốc-công thì đã phân li rồi. Phu-nhân và Nguyễn quận-chúa mà bóng hiếu thường tươi tha trong vùng Vạn-kiếp, nay đã tạm lánh vào miền trong. Trong hồn vương tử, một người vì có tội, đã bị Quốc-công đầy ra ở một chỗ xa lánh ngoài biển đông, bạn với sóng gió, chim trời và giặc bể. Ba người ở nhà cũng chẳng hưởng một quyền lợi gì đặc biệt, và tướng vẫn chung những nguy hiểm của mọi người.

Ở đây, Đại-Vương đã hết chán thành; trường bề đượm một màu vô cùng thân ái. Người ta cũng như Quốc-công, ai cũng yêu gia đình mới với tất cả tâm tình phế phủ. Ba nghìn môn khách của Quốc-công cũng đến bậc nhất trong của thì đậu sức, đáp ơn người có độ lượng như Mạnh thường quân mà tài trí thì gấp trăm nghìn lần quây quần bên Đại-vương, hết lực phù tá. Văn tài như Trương-bán-Siêu, mưu lược như anh em Phạm Ngũ, Phạm Mại, Ngô-Sĩ Sơn...

Lại có người như Vũ trí Thắng trọng dũng-lực thì cơ mưu hơn người, ngoài chiến trường thì là một dũng tướng. Chính Vũ đã dâng Đại-Vương một tập địa đồ do Vũ biên chép rành mạch sau khi phiêu lưu khắp các miền trong nước, tập này đã giúp Quốc-công nhiều trong sự bày binh bố trận. Còn bao nhiêu người tài nghệ: người sành tính toán, người giỏi in chép, người có tài ăn nói, cả những người thạo âm nhạc, người nào cũng có một công việc thích hợp với bản lĩnh riêng, không một người nào thấy mình vô dụng trong « sở » hoạt động của Quốc-công. Tài mọn nào cũng được Đại-Vương điều khiển, và giữa hàng môn khách, không nở một gian tuồng.

Sau hàng môn khách, đây là những gia tướng trung thành. Mỗi khi nói đến Dã-Tượng Yết-Kiêu không ai không cảm động. Không biết họ sinh quán ở đâu, có lẽ họ là những đứa bé bỏ rơi, được Đại-vương cứu vớt, rồi nuôi lên theo hầu. Nhờ họ mà trong trận thua ở Kì-cấp, Quốc-công mới thoát khỏi tay giặc chạy về Vạn-kiếp, giữa mấy lần vây như bao nhiêu vòng thép, tướng sĩ lạc lõng, Đại-vương chỉ còn có Dã-Tượng theo hộ vệ. Tượng đã mang bao nhiêu thương tích, mặt mũi thân thể chân tay, máu chảy lênh láng, vậy mà vẫn chống đỡ cho chủ, hết sức

đẹp một đường máu để đưa Đại-vương đi. Đến khi thoát trùng vây Đại-vương tuy đã cho Yết-Kiêu đợi thuyền ở bến Bãi-tân nhưng lại muốn dùng đường bộ về Vạn-kiếp Dã-Tượng nói: Yết-Kiêu chưa thấy Đại-vương chắc chưa bỏ chạy. Đại-vương nên chạy về Bãi-Tân thì hơn.

Quốc-công ngần ngại, vì bao nhiêu chiếc thuyền Võ Yết-Kiêu quản lính đã có tin bị quân giặc đánh tan, lẽ nào Yết-Kiêu còn ở đây.

Dã Tượng quả quyết:

— Yết-Kiêu là người trung nghĩa, Đại-vương truyền đóng ở chỗ nào thì dù chết cũng không chịu bỏ. Tiểu-nhân đã biết, xin Đại-vương cứ ra Bãi Tân, có thể mới thoát được.

Quốc-công nghe lời, chạy ra bãi Tân, quả nhiên Yết-Kiêu vẫn ở đấy. Kiêu bị thương cũng nặng như Dã Tượng, chiến thuyền tan cả, nhưng vẫn cố giữ một chiếc, hiêu chiết đợi Đại-vương. Thấy Quốc-công, Kiêu gắng thuyền vào đón, mừng quá ôm lấy đầu gối Đại-vương mà khóc, rồi rong buồm thuận lái ở Vương về Vạn-kiếp. Quân giặc cũng vừa tới nơi nhưng không đuổi kịp. Đại-vương nhân việc ấy thăng tước.

— Chim hồng chim hộc bay cao được là nhờ lông cánh, nếu không có lông cánh thì cũng chỉ là chim thường thôi vậy.

Cho nên đối với Yết-Kiêu, Dã-Tượng, các tướng có rất nhiều thiện cảm, coi như hai người có công lớn nhất với Quốc-gia.

Ngoài Yết-Kiêu, Dã-Tượng, còn ba gia tướng Cao Mang, Đại Hạnh, Nguyễn Địa Lô, tất cả năm người thân tùy của Quốc-công, toàn là những tay võ nghệ giỏi và rất được việc. Những mệnh lệnh của Quốc-công đều do họ truyền đi, không sai một ly. Trong những công-cán hiểm nghèo, như việc đi dò xem trận giặc, họ thường đi cùng Quốc-công và không bao giờ không làm trọn nhiệm sự...

Ba vương-tử Hưng-Vũ vương, Hưng-Hiến vương, Hưng Trí vương đường không chịu kém họn gia-nhân.

Sau khi thất trận ở vạt bãi, quân giặc tan tác, Quốc-công vái ba con về mộ quân ở Bảng-hà, Na-ngạn, Trà-Thương. An-sinh hoàng-nhân. Nhờ tài khôn khéo, ông chỉ bị thương phần phát, chỉ trong có mấy hôm, ba người đã khởi được mười vạn quân, toàn tài kéo ra như muốn về cả Vạn-kiếp để chịu quyền tiết-chế của Đại-vương. Vì thế mà lỗ hổng trong quân đội do những trận thua lớn ở Bắc-giang lập được ngay, và quân tình lại phấn khởi.

Ngoài những người ấy, đây là tướng lĩnh của Triều đình.

Nào là Hàng-hằng, Nguyễn-Do, nào là nội quân Đô-Hành, nào là đại-tướng Nguyễn Thức, coi quân Thánh-Dực dũng-nghĩa. Nào là hai anh em Hưng Đức-hầu, Trần Tự-Quyền, Nhân Đức-hầu Trần Tự-Toàn, giòng gối Trung-tín-hầu Trần Tự-Khánh khi xưa, đã lừng danh trong trận tử thủ ở Chi-lăng. Vì lòng quyết chiến, vì những phương sách phòng thủ rất khéo, vì tài điều binh rất nhanh và phong phú, hai hầu chỉ có 5000 quân mà đã cầm cự với cả đại đội binh mã của Thoát Hoan tấn công hàng 5, 6 tháng liền. Hai hầu đã nổi tiếng là thiện thủ. Chính Quốc-công giao cho hai hầu trọng trách giữ việc phòng thủ Vạn kiếp.

*(Còn nữa)*

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

*Đã có bán:*

**SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN**

Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

*Sách dày trên 400 trang, khổ rộng, in toàn trên giấy trắng (blanc ari)* *Giá 16$00*

**VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LƯỢC**

*của MẬT THỂ (giáo sư trường Sơ-Môn Phật học-Huế) — Tựa của TRẦN-VĂN-GIÁP (trường Viễn Đông bác cổ-Hanoi) — Sách dày 300 trang in trên giấy trắng* *Giá 11$50*

Cùng một lượt đã phát hành: **NGHÌN LẺ MỘT NGÀY** (Một quyển trọn bộ)

*Bản dịch của MAI KHÁNH* *Giá 5$00*

**Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi**

*Đã có bán!*

## Câu chuyện văn học

*của Thiếu-Sơn* *Giá : 4$00*

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nhẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng-lặng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao-siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiếu Sơn đã nói trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được e Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

**CHUYỆN KHOA-HỌC**

**Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan**

*Tức Hoa-Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0$50*

NHA XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

*N° 9 Rue Takou — Hanoi*

TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

**25 - 9 - 1944**

sẽ phát hành

**HỌC THUYẾT KINH-TẾ**

*TIỂU DẪN*

của Nguyễn-hải Âu

*Giá 4$00*

CÁC BẠN, ĐÓN ĐỌC NGÀY 10-10-1944 SỐ ĐẦU của

# VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

*CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA TỰ TRÀO TÂN-VĂN-HÓA*

Hàn thuyên phát hành 71 Hanoi

**QUẢNG VẠN THÀNH phát hà**

*Sách Vở* *đã có bán*

**LÒNG VÀNG**

Ed de Amicis soạn Hai Hồ dịch một quyển giáo khoa, dào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quí này có một sức cảm hóa to lắm...

*Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy*

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

**Giá 4$00 cước 0 80**

*đang in*

**ĐỜI ĐOÀN THỂ**

*Hải Tùng soạn*

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. «...chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này...»

*Giá 2$00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.*

*đã có*

**ÁO ĐI MƯA**

Bằng lụa ta, sơn ta mười năm kinh-nghiệm, nhiều chứng-thư ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

*mới chế*

**VẢI DAY SƠN**

*màu giả da (simili-cuir)*

dùng để may áo mặc rét làm mui xe áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

**KHÁM TRUYỀN THẦN**

Giống như hệt, đẹp tuyệt trần, thật là một công-nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh-kịp.

*Vị nào muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa chỉ và 0.10 tem về,*

**QUANG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » — mở năm bính dần 1926**

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai phong

Phố Yên lưu Kinh môn Haiduong

REVUE TRI-TAN · Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chaucsaulme, Hanoi